

TÀI LIỆU HỌC HỎI TRONG NĂM THÁNH **GIÁO HỘI TẠI VIỆT NAM**

MÀU NHIỆM – HIỆP THÔNG – SỨ VỤ
BAN TỔ CHỨC NĂM THÁNH 2010

LỜI NGỎ

Học hỏi là một trong những hoạt động chính của Năm Thánh 2010, bên cạnh các hoạt động khác như cử hành và đại hội.

Tài liệu Học hỏi này được soạn thảo với mục đích giúp cộng đồng dân Chúa học hỏi trong Năm Thánh, cụ thể là khơi dậy nơi các tín hữu tâm tình hân hoan và cảm tạ, cảm thức sâu xa về Giáo Hội và tinh thần tham gia vào đời sống và sứ vụ của Giáo Hội.

Tài liệu gồm 3 phần chính: Màu nhiệm Giáo Hội, Giáo Hội hiệp thông và Hiệp thông trong sứ vụ.

Tài liệu được khai triển thành 14 bài; ngoài hai bài mở và kết phục vụ cho việc khai mạc và bế mạc Năm Thánh vào các tháng 12/2009 và 1/2011, còn có 12 bài phục vụ cho việc học hỏi trong mười hai tháng, cách riêng cho Đại hội Dân Chúa vào tháng 11/2010.

Mỗi bài thường có bốn ý tưởng chính, mỗi ý tưởng ứng với mỗi tuần, và được biên soạn dưới các hình thức trình bày, hỏi-đáp và gợi ý trao đổi.

Hy vọng tài liệu này đem lại nhiều lợi ích thiêng liêng cho Dân Chúa, đặc biệt trong việc hiểu để tham gia và sống Năm Thánh 2010.

BAN TỔ CHỨC

PHẦN MỞ

THỜI ĐIỂM ÂN SÙNG VÀ CANH TÂN

Phần mở đầu trình bày ý nghĩa, mục đích và các hoạt động chính của Năm Thánh với mục đích mời gọi các tín hữu tham gia vào các hoạt động trong Năm Thánh. Phần này còn có ý khơi dậy nơi các tín hữu tâm tình hân hoan và tạ ơn khi nhìn lại từng chặng đường lịch sử Giáo Hội tại Việt Nam. Cụ thể, Dân Chúa sẽ được hướng dẫn để tìm hiểu về Năm Thánh và Lịch sử Giáo Hội Việt Nam.

TÌM HIỂU NĂM THÁNH

A. PHẦN TRÌNH BÀY

Trong thư gửi Cộng Đồng Dân Chúa ngày 17.4.2009, Hội Đồng Giám Mục Việt Nam trình bày ý nghĩa, mục đích và hoạt động của Năm Thánh 2010 như sau:

“Nhu anh chị em biết, ngày 24.11.1960, Đức Thánh Cha Gioan XXIII đã ban hành Tông hiến Venerabilium Nostrorum, quyết định thiết lập Hàng Giáo Phẩm Việt Nam. Như thế, bước sang năm 2010, chúng ta sẽ kỷ niệm 50 thiết lập Hàng Giáo Phẩm Việt

Nam, ghi nhớ một chặng đường lịch sử, đánh dấu sự phát triển của Giáo Hội tại Việt Nam. Chính vì thế, ngày 29.9.2008, chúng tôi đã gửi thư thỉnh nguyện lên Đức Thánh Cha Bênêđictô XVI, xin phép mở Năm Thánh 2010. Chúng tôi vui mừng báo tin cho anh chị em: ngày 11.2.2009, qua thư của Tòa Án giải Tối Cao, Đức Thánh Cha đã chuẩn nhận thỉnh nguyện của Hội đồng Giám mục Việt Nam, cho phép cử hành Năm Thánh 2010, từ ngày lễ Các Thánh Tử Đạo Việt Nam 24.11.2009, đến lễ Hiện Linh 6.1.2011. Giáo Hội Việt Nam sẽ khai mạc Năm Thánh trọng thể tại Hà Nội và bế mạc bằng cuộc hành hương lớn tại Thánh Địa La Vang. Đặc biệt, vào tháng 11 năm 2010, chúng ta sẽ có Đại Hội Dân Chúa được tổ chức tại Thành phố Hồ Chí Minh, quy tụ các đại diện của các giáo phận và mọi thành phần Dân Chúa, để cùng với Hội Đồng Giám Mục Việt Nam định hướng cho đời sống Giáo Hội trong tương lai. Ngoài những cử hành chung trong cả nước, mỗi giáo phận sẽ có những cử hành riêng tại địa phương nhằm tạo cơ hội cho tất cả mọi tín hữu tham gia tích cực vào việc cử hành và sống Năm Thánh đặc biệt này.

Cử hành năm Thánh 2010 là dịp để chúng ta cùng nhau nhìn lại chặng đường lịch sử đã qua trong tâm tình tạ ơn vì biết bao hồng ân Chúa ban, tạ ơn vì những hy sinh của các bậc tiền nhân, các ân nhân cũng như các chứng nhân đức tin; đồng thời tạ lỗi vì đã chưa bày tỏ được hình ảnh Giáo Hội như lòng Chúa mong ước. Đây cũng là cơ hội cho ta nhìn vào hiện tại với cặp mắt đức tin để phân định những thách đố cũng như những thuận lợi cho đời sống và sứ mạng của Giáo Hội. Đây còn là thời điểm thúc đẩy chúng ta nhìn tới tương lai với quyết

tâm xây dựng một Giáo Hội như gia đình của Chúa, như cộng đoàn hiệp thông huynh đệ, và là cộng đoàn loan báo Tin Mừng Chúa Kitô nhằm phục vụ sự sống và phẩm giá của mọi người, nhất là những người nghèo khổ.

Để tạo điều kiện cho mọi thành phần Dân Chúa có thể tham gia tích cực vào việc cử hành Năm Thánh, chúng tôi sẽ thường xuyên gửi thông tin đến anh chị em qua trang web và qua tập san Hiệp Thông của Hội Đồng Giám Mục Việt Nam, cũng như qua những thông tin tại mỗi giáo xứ và cộng đoàn. Chúng tôi tha thiết xin anh chị em tích cực tham gia vào việc cử hành Năm Thánh 2010 bằng nhiều hình thức: tham gia bằng cách cầu nguyện ngay từ bây giờ cho việc cử hành Năm Thánh đạt kết quả tốt đẹp; tham gia bằng cách xây dựng cộng đoàn và giáo xứ mà anh chị em đang hiện diện và phục vụ; tham gia bằng cách đóng góp ý kiến gửi về cho Ban Tổ Chức Năm Thánh. Chúng tôi cũng mong anh chị em tham gia bằng cách giúp Giáo Hội có ngân khoản cần thiết để lo chi phí tổ chức những sự kiện lớn trong Năm Thánh.”

Có nhiều hình thức kỷ niệm 50 năm thiết lập Hàng Giáo Phẩm Việt Nam, nhưng Hội Đồng Giám Mục Việt Nam chọn cử hành Năm Thánh. Cử hành này có nguồn gốc từ trong Cựu Ước. Năm Thánh hay Năm Toàn Xá là lễ của Do thái giáo được tổ chức 50 năm một lần để tưởng nhớ việc dân Israel được giải phóng khỏi Ai-Cập, như Chúa đã dạy ông Môsê: “Các ngươi sẽ công bố năm thứ 50 là năm thánh và sẽ tuyên cáo trong xứ lệnh ân xá cho mọi người sống tại đó. Đối với các ngươi, đó là thời kỳ toàn xá: mọi người trong các ngươi sẽ trở về phần sở

hữu của mình, mỗi người sẽ trở về dòng họ của mình” (Lv 25,10). Trong Giáo Hội Công Giáo, Năm Thánh chủ yếu là năm Đức Thánh Cha dành riêng để ban ân xá đặc biệt cho các tín hữu với những điều kiện đã quy định như xưng tội, rước lễ và cầu nguyện theo ý Đức Giáo Hoàng; ân xá có thể tha một phần hay tha hết mọi hình phạt tạm do tội đã phạm và đã được tha. Theo ý hướng này, Năm Thánh 2010, đối với Giáo Hội Việt Nam, là thời điểm của ân sủng và canh tân.

B. PHÂN HỎI-ĐÁP

1- H. Hội Đồng Giám Mục Việt Nam mở Năm Thánh 2010 để làm gì?

T. Hội đồng Giám mục Việt Nam mở Năm Thánh 2010 để kỷ niệm 50 năm thành lập Hàng Giáo Phẩm, biến cố đánh dấu sự trưởng thành của Giáo Hội Việt Nam.

2- H. Đây là ý nghĩa của Năm Thánh 2010?

T. Năm Thánh 2010 là dịp để chúng ta nhìn lại chặng đường lịch sử đã qua trong tâm tình tạ ơn và tạ lỗi cũng như tìm về cội nguồn nơi Ba Ngôi Thiên Chúa để biết mình là ai và có mặt tại Việt Nam để làm gì; kể đến, nhìn vào hiện tại với cặp mắt đức tin để nhận ra lời mời gọi của Thiên Chúa qua những dấu chỉ thời đại; cuối cùng, nhìn tới tương lai với quyết tâm xây dựng một Giáo Hội như lòng Chúa mong ước.

3- H. Năm Thánh 2010 khởi sự và kết thúc vào thời điểm nào?

T. Năm Thánh 2010 khởi sự từ lễ Các Thánh Tử Đạo Việt Nam 24 tháng 11 năm 2009 đến lễ Hiện Linh 6 tháng Giêng năm 2011. Giáo Hội tại Việt Nam sẽ khai mạc Năm Thánh cách trọng thể tại Hà Nội và bế mạc bằng cuộc hành hương lớn tại Thánh Địa La Vang.

4- H. Trong Năm Thánh 2010, Giáo Hội cử hành những gì?

T. Ngoài những cử hành chung trong cả nước, đặc biệt là Đại hội Dân Chúa được tổ chức vào tháng 11 năm 2010 tại Thành phố Hồ Chí Minh, mỗi giáo phận còn có những cử hành riêng nhằm tạo cơ hội cho mọi tín hữu tham gia tích cực vào cử hành và sống Năm Thánh đặc biệt này.

5- H. Chúng ta có thể làm những gì để tham gia tích cực vào việc cử hành Năm Thánh?

T. Để tham gia tích cực vào việc cử hành Năm Thánh, chúng ta có thể cầu nguyện cho việc cử hành Năm Thánh đạt được kết quả tốt đẹp, học hỏi và tham gia các cử hành, nỗ lực xây dựng cộng đoàn và giáo xứ mà chúng ta đang hiện diện và phục vụ, đóng góp ý kiến cho Ban Tổ chức Năm Thánh, và giúp Giáo Hội có đủ ngân khoản chi phí cho việc tổ chức các sự kiện lớn trong Năm Thánh này.

C. PHẦN GỢI Ý TRAO ĐỔI

1. Bạn biết gì về Năm Thánh nói chung và Năm Thánh 2010?
2. Đối với bạn, Năm Thánh 2010 có ý nghĩa như thế nào?
3. Bạn và cộng đoàn hay giáo xứ của bạn sẽ làm gì để tham gia và sống Năm Thánh 2010?

NHÌN LẠI CHẶNG ĐƯỜNG LỊCH SỬ GIÁO HỘI HÌNH THÀNH TẠI VIỆT NAM

A. PHẦN TRÌNH BÀY

“Cây có cội, nước có nguồn”. Sức sống của Hội Thánh hôm nay là thành quả của hơn 400 năm hạt giống Tin Mừng được gieo trồng. Cũng là thành quả của hơn 400 năm cây đức tin được vun xới và phát triển, hơn bốn trăm năm Hội Thánh chia sẻ muôn nỗi thăng trầm của quê hương, và cũng là hơn 400 năm chan hòa hồng ân Thiên Chúa. Trong Thư Chung 1980, HĐGMVN viết: “Nhìn về quá khứ, chúng tôi cảm mến sâu sắc bàn tay nhân lành của Thiên Chúa, đã êm ái và mạnh mẽ hướng dẫn Hội Thánh Người trên đất nước Việt Nam của chúng ta. Chúng tôi biết ơn công lao của vô vàn tín hữu đã làm sáng tỏ đức tin và lòng yêu nước của mình...” (số 17).

1. Hạt giống Tin Mừng được gieo vãi (Thế kỷ XVI)

Những tiền bộ của ngành hàng hải giúp Christophe Comlomb đến được Mỹ Châu năm 1542, cũng đã nối dài

những bước chân truyền giáo của các thừa sai vượt đại dương, đến quê hương Việt Nam. Năm 1533, theo Khâm Định Việt Sử (33,6b), chỉ dụ cấm đạo của vua Lê Trang Tôn đã nói đến một thừa sai tây phương tên I-Nê-Khu, men theo đường biển vào truyền đạo tại làng Ninh Cường, và làng Trà Lũ. Tiếp theo là dấu chân rao giảng của các linh mục dòng Đa Minh: Năm 1550, cha Gaspar De Santa Cruz đến giảng đạo tại Hà Tiên; Năm 1588, hai cha Luis de Fonseca và Grégoire de la Motte bị vua Chiêm Thành hãm hại tại Quảng Nam. Trước đó, năm 1583, do lời mời của nhà Mạc, các linh mục dòng Phaxicô đã đến Bắc Hà. Cha Bartôlômêô Ruiz đã giảng đạo bằng tranh ảnh tôn giáo. Sự kiện nổi bật cuối thế kỷ XVI (1591) là việc trở lại của công chúa Mai Hoa (Maria Flora) tại Thanh Hóa, do linh mục Ordonez. Hiện nay tại An Trường (Thanh Hóa) vẫn còn một nền nhà thờ và một giếng Da-tô do công chúa cho đào.

Người tín hữu đầu tiên. Dựa vào gia phả nhà họ Đỗ, cụ Đỗ Hưng Viễn, người làng Bồng Trung tỉnh Thanh Hóa, được coi là tín hữu Việt Nam tiên khởi. Cụ đi sứ và được rửa tội tại Macao thời vua Lê Anh Tôn (1573), nhưng con cái không ai theo đạo.

2. Và những người đầu tiên

Việc các cha dòng Tên, dưới sự điều hành của cha Buzomi đến Cửa Hàn, Quảng Nam, năm 1615, đã khai mở một giai đoạn mới trong lịch sử truyền giáo. Thừa hưởng kinh nghiệm “hội nhập văn hóa” của cha Matteo Ricci tại Trung Hoa và Valignanô tại Nhật Bản, các vị quan tâm đặc biệt đến việc học ngôn ngữ, phong tục dân

Việt, và giảng đạo bằng tiếng Việt. Thế là chỉ trong vài chục năm, Tin Mừng đã đi vào văn hóa Việt Nam.

Các tín hữu Việt Nam tiên khởi đã đóng góp vai trò rất lớn lao trong công trình ấy. Ngoài việc giúp các thừa sai học tiếng, các vị còn phiên dịch kinh sách và giáo lý ra chữ Nôm để phổ biến. Sử sách còn nhắc đến cụ nghệ Giuse, sư cụ Manuel giúp cha Pina ở Quảng Nam, đến cụ Gioan Kim giúp cha Đắc Lộ ở An Vực (Thanh Hóa) và những vần thơ văn của công chúa Catarina: “lịch sử đạo Thiên Chúa từ tạo thiên lập địa đến khi Chúa xuống thế... “. “... Thơ văn đó được các người có đạo truyền tụng nhau, họ ngâm lên lúc làm việc ở nhà, ở ngoài đồng hay lúc đi đường”. Phần lớn những bài văn dâng hoa cô và cung giọng ngấm “15 sự thương khó” hiện nay, cũng đã xuất phát từ giai đoạn này.

Nếu người ta quan tâm nhiều hơn đến việc hình thành chữ quốc ngữ trong giai đoạn này, được ổn định năm 1651, khi cha Đắc Lộ cho xuất bản tại Rôma tự điển Việt-Bồ-La, sách văn phạm An Nam và cuốn song ngữ “Phép giảng tám ngày”; thì cũng đừng quên những tác phẩm tôn giáo bằng chữ Nôm; thừa sai Majorica với 48 tác phẩm về suy niệm và hạnh các Thánh; một giáo hữu Quảng Ngãi là Gioan Thanh Minh với 15 thi phẩm về tiểu sử các Thánh; và nhất là linh mục Lu-y-Đoan với tập thơ lục bát “Sấm truyền ca” (1670) viết lại truyện Cựu Ước, với nhiều điển tích và thành ngữ Á Đông.

Cộng tác với thừa sai, còn có một đội ngũ đông đảo các tín hữu Việt Nam, hiến toàn thân cho việc tông đồ, đó là các thầy giảng. Các thầy tuyên khấn độc thân, để tài sản chung và vâng lời thầy bề trên (lớp đầu tại Kẻ

Chợ, Hà Nội năm 1630); (tại Cửa Hàn Quảng Nam năm 1643). Các thầy giảng hỗ trợ các thừa sai trong việc giảng dạy giáo lý, điều hành và duy trì các cộng đoàn Dân Chúa, khi các ngài bị trục xuất hoặc vắng mặt.

Những chứng nhân đức tin đầu tiên:

– Tại Đàng Ngoài: Năm 1630, anh Phanxicô, dù bị chủ là một hoàng thân căm đoán, vẫn tiếp tục chôn xác người chết, nên bị giam, tra tấn và bị giết.

– Tại Đàng Trong: Năm 1644, Thầy Anrê Phú Yên bị bắt tại nhà cha Đắc Lộ. Dù bị quan quân đe dọa, thầy không bỏ đạo, nên bị chém đầu, trên môi còn mấp máy Danh Đức Giêsu.

Nói về tín hữu Việt Nam thời này, cha Đắc Lộ viết: “... Điều làm tôi cảm động hơn hết là thấy ở xứ đó, bao nhiêu người Công Giáo là bấy nhiêu Thiên Thần, và ơn Phép Rửa đã ban cho họ một tinh thần mà chúng ta gặp thấy ở các Tông Đồ và các Thánh Tử Đạo tiên khởi...”.

(Trích “Lược Sử Hội Thánh Công Giáo Tại Việt Nam” trong *Giáo Lý Hội Thánh Công Giáo* của HĐGMVN, trang 105-107)

B. PHẢN HỒI-ĐÁP

1- H. Tin Mừng đến Việt Nam từ bao giờ?

T. Năm 1533, theo Khâm Định Việt Sử, chỉ dụ cấm đạo của vua Lê Trang Tôn đã nói đến một thừa sai Tây phương tên là I-nê-khu đã theo đường biển vào truyền đạo tại hai làng Ninh Cường và Trà Lũ

thuộc tỉnh Nam Định ngày nay. Từ đó, hạt giống Tin Mừng đã lớn lên và trở sinh nhiều hoa trái.

2- H. Để rao giảng Tin Mừng, các vị thừa sai đầu tiên đã làm gì?

T. Các vị thừa sai đã hòa mình vào xã hội và hòa nhập vào văn hóa gia đình Việt Nam, đặc biệt sáng tạo và hoàn thành chữ Quốc ngữ với sự cộng tác của một số người Việt trong tu hội Thầy giảng.

3- H. Các tín hữu đầu tiên đã cộng tác thế nào với các vị thừa sai trong công cuộc rao giảng Tin Mừng ?

T. Các tín hữu đầu tiên đã giúp các vị thừa sai học ngôn ngữ và làm quen với phong tục Việt Nam, để các ngài có thể giảng đạo bằng tiếng Việt Nam. Các thầy giảng còn giúp các ngài trong việc dạy giáo lý, điều hành, và duy trì các cộng đoàn Dân Chúa.

4- H. Ai là những chứng nhân đức tin đầu tiên tại Việt Nam?

T. Tại Đàng Ngoài (miền Bắc) có anh Phanxicô, làm việc bác ái mà bị tra tấn và bị giết năm 1630. Tại Đàng Trong (miền Nam), có thầy Anrê Phú Yên là học trò của cha Đắc Lộ, bị chém đầu ngày 26-7-1644.

5- H. Các tín hữu đầu tiên được đồng bào lương yêu thương gọi là gì?

T. Các tín hữu đầu tiên yêu thương nhau đến nỗi đồng bào lương gọi các ngài là những người theo **đạo Yêu nhau**.

C. PHÂN GỢI Ý TRAO ĐỔI

1. Khi nhìn lại chặng đường lịch sử này, bạn tâm đắc điều gì? Tại sao?
2. Trước những nỗ lực rao giảng Tin Mừng của các vị thừa sai đầu tiên, bạn cảm thấy thế nào?
3. Bạn có thấy cộng đoàn tín hữu đầu tiên thật tuyệt vời không? Theo bạn, tuyệt vời ở điểm nào?

NHÌN LẠI CHẶNG ĐƯỜNG LỊCH SỬ GIÁO HỘI PHÁT TRIỂN TẠI VIỆT NAM

A. PHÂN TRÌNH BÀY

Năm 1622 là khúc ngoặt quan trọng trong lịch sử truyền giáo của Hội Thánh. Trước những lạm dụng của các vị vua Bảo Trợ, Tòa Thánh lấy lại quyền điều hành việc truyền giáo, và thiết lập Thánh Bộ Truyền Bá Đức Tin (1622), Thánh Bộ đã kiểm tra lại toàn bộ sinh hoạt truyền giáo trên thế giới, và cung cấp nhiều phương tiện truyền giáo như: mở nhà in đa ngữ, hỗ trợ tài chính, gửi các sách phụng vụ và giáo lý, lập chủng viện Urbano 1627, để đào tạo các chủng sinh ở các miền truyền giáo

gửi về, lập ra chức Giám quản Tông Tòa cho các giám mục miền truyền giáo, trực thuộc Tòa Thánh. Phương pháp truyền giáo ở các nơi đều phải tuân theo sự hướng dẫn của Thánh Bộ, dựa trên bản Huấn Thị 1659, với những chỉ thị tích cực: “Các thừa sai phải được huấn luyện theo luật bác ái Tin Mừng, biết thích nghi với phong tục và tính tình người khác... Công việc trước mắt của chư huynh là đưa những người địa phương, xứng đáng lên chức linh mục và cả giám mục nữa... Hãy rao giảng cho tín hữu bản phận trung thành với chính quyền... Đừng đưa vào nước họ đất nước của mình, mà là Đức Tin, Đức Tin này không hề khai trừ hay làm tổn thương những nghi lễ tập tục của bất cứ dân tộc nào cả...”

Cũng năm đó, ngày 9-9-1659. Tòa Thánh thiết lập hai giáo phận trên đất Việt, và đặt hai Giám Quản Tông Tòa đầu tiên:

– Giáo phận Đàng Trong: từ sông Gianh trở vào, với Đức cha Lambert de la Motte.

– Giáo phận Đàng Ngoài: từ sông Gianh trở ra, với Đức cha François Pallu.

Trải qua ba trăm năm (từ 1659-1960). Hội Thánh Việt Nam đã phát triển trong sự chăm sóc của nhiều đơn vị thừa sai; với sự đóng góp rất lớn lao của các linh mục và tu sĩ Việt Nam; đã đồng hành cùng dân tộc trong mọi biến cố, và đã tích cực làm chứng cho niềm Tin bằng nhiều hoạt động bác ái phục vụ, cũng như bằng chính cả mạng sống mình.

1. Những vòng tay thân ái

Nằm trong sự điều hành chung của Thánh Bộ Truyền Giáo, tuổi thơ của Hội Thánh Việt Nam đã được biết bao trái tim và bàn tay các tín hữu khắp bốn phương săn sóc và dưỡng nuôi: Các nhà truyền giáo tại Việt Nam, linh mục hoặc tu sĩ nam nữ, thuộc nhiều quốc tịch như Pháp, Tây Ban Nha, Ý, Đức, Bỉ, Ái Nhĩ Lan, Gia Nã Đại, Hoa Kỳ, Trung Hoa... Các ngài đã sẵn sàng từ bỏ quê cha đất tổ, để đến hoạt động tại Việt Nam, và ước nguyện được phục vụ Tin Mừng trên giải đất này. Các ngài đã chấp nhận nếp sống thiếu thốn tiện nghi, cư ngụ trong các mái nhà tranh vách đất, chịu đựng khí hậu nóng bỏng của vùng nhiệt đới, chấp nhận cả những ngược đãi, hiểu lầm. Trong những tập thể đóng góp nhiều công sức nhất cho chúng ta có ngày hôm nay, phải kể đến Hội Thừa Sai Paris, Dòng Đaminh, Dòng Tên, và Dòng Phanxicô.

Hàng ngàn thành viên Hội Thừa Sai Paris đã đảm nhiệm toàn bộ khu vực địa phận Tây Đàng Ngoài (nay là các địa phận Hà Nội, Vinh, Hưng Hóa, Phát Diệm và Thanh Hóa), và khu vực địa phận Đàng Trong (nay là 15 địa phận thuộc giáo tỉnh Huế và Sài Gòn) suốt 300 năm, trước khi giao lại cho hàng Giáo phẩm Việt Nam.

Tương tự như thế là dòng Đa Minh với địa phận Đông Đàng Ngoài (nay là các địa phận Hải Phòng, Bùi Chu, Bắc Ninh, Thái Bình và Lạng Sơn), với 243 thừa sai Tây Ban Nha và 134 linh mục Dòng người Việt.

Ngoài ra Dòng Tên, sau 1659 vẫn còn một số thừa sai hoạt động tại Đàng Trong đến năm 1783, và Đàng

Ngoài đến 1802. Riêng Dòng Phanxicô, với hơn một thế kỷ (từ 1719-1834), đã thiết lập thêm hàng trăm giáo xứ mới tại miền Trung và miền Nam. Từ năm 1862, khi vua Tự Đức chấp thuận cho việc giảng đạo, số các Dòng Tu đến trên giải đất hình chữ “S” này ngày càng nhiều, và đảm nhiệm những sinh hoạt ngày càng đa dạng.

– Dòng Nữ có các Dòng: Phaolô thành Chartres (1860), Dòng kín Cát minh (1862), Chúa Quan Phòng (1876), Đức Bà Truyền Giáo (1924), Vinh Sơn Phalô (1925), Nữ Tá Quốc Tế, Biển Đức và Tiểu Muội (1954), Nữ tu Đấng Chăn Chiên Lành (1958), Con Đức Mẹ Phù Hộ Salêsián và Nữ Tỳ Đức Giêsu - Mẹ Maria (1961), tu hội Dâng Truyền (1964) và dòng Phalô Thiện Bản (1974).

– Dòng Nam có các Dòng: Lasan (1866), Đaminh Lyon (1902), Chúa Cứu Thế (1925), Phanxicô (1928), Tu hội Xuân Bích (1933), Đan viện Xi-tô Mỹ Ca (1933), Biển Đức (1935), Gioan Thiên Chúa (1952), Don Bosco (1952), Tiểu Đệ Đức Giêsu (1953), Lagiariste (1954), Dòng Tên (1957), Đức Mẹ Người nghèo (1970) và Dòng Thánh Thể (1971).

Ngoài ra chúng ta không thể quên những “đồng xu mỗi tuần” của hàng triệu tín hữu khắp nơi, tham gia vào các Hội Truyền Bá Đức Tin ở Lyon (1822), Hội Thánh Nhi (1843) nhằm giúp trẻ em miền truyền giáo, và Hội Thánh Phêrô (1893) giúp các chủng viện truyền giáo. Cũng không thể quên, đằng sau các nhà truyền giáo là tập thể các Dòng tu quốc tế, sẵn sàng yểm trợ các chương trình từ thiện, tặng học bổng... Và cũng thế, làm sao quên được hàng triệu các thân hữu, và ân nhân khắp

hoàn cầu, mỗi ngày dâng lời cầu nguyện cho Hội Thánh Việt Nam.

2. Đảm nhận vận mệnh chính mình

Đọc lại lịch sử Giáo Hội Việt Nam, người ta thấy ngoài vai trò của các thừa sai nước ngoài, việc phát triển của Hội Thánh đã nhờ vào chính những người Việt thiện chí và hăng say, dâng hiến trọn cuộc sống cho Nước Trời, đưa Tin Mừng đến khắp các hang cùng ngõ hẻm, và nuôi dưỡng đời sống đức tin cho anh em mình, đó là các linh mục và tu sĩ Việt Nam.

a. Hàng giáo sĩ Việt Nam. Năm 1668, Đức cha Lambert đã đặt tay truyền chức cho bốn linh mục tiên khởi tại Juthia, Thái Lan là: Cha Giuse Trang, cha Luca Bền, (thuộc Đàng Trong) cha Bênêđictô Hiền, Gioan Huệ (thuộc Đàng Ngoài) và năm sau, thêm bảy tân linh mục khác thuộc Đàng Ngoài. Chín linh mục Đàng Ngoài đã cùng với Đức Cha Lambert và ba thừa sai, họp Công Đồng đầu tiên của Hội Thánh Việt Nam tại phố Hiến, tháng 2-1670. Các vị đã cùng nhau đưa ra một chương trình hoạt động, chia giáo xứ, chọn thánh Giuse làm bổn mạng, và ấn định việc đào tạo chủng sinh qua tổ chức nhà Đức Chúa Trời. Với tổ chức Nhà Đức Chúa Trời, từ nay, mỗi giáo xứ ổn định đều trở thành một “tiểu chủng viện” ươm trồng ơn gọi. Những người có khả năng sẽ được chọn gọi vào chủng viện, hoặc vào trường Kê Giảng để trở thành linh mục hoặc thầy giảng. Chính nhờ đó, Hội Thánh Việt Nam không bao giờ thiếu linh mục, kể cả trong những giai đoạn bách hại gay go nhất, khi toàn bộ các thừa sai bị trục xuất. Không kể các chủng viện liên địa phận tại Juthia (1665), Pondichéry, Ấn Độ

(1769-1782), và Pénang, Mã Lai Á (từ 1807), đã có biết bao linh mục xuất thân từ các chủng viện:

– Miền Nam tại Hà Tiên (1776) dời lên Tân Triều, Biên Hòa (1778), rồi Mỹ Tho (1783), và Lái Thiêu (1789-1832).

– Miền Trung tại Thọ Đức, Huế (1739-1750), rồi Bình Định, mới đầu ở Dinh Cát (1782), sau ở Hòa Ninh (1784) và An Ninh (1801-1820).

– Miền Bắc có chủng viện Nghệ An (1685). Kẻ Lô (1697). Kiên Lao (1683), Kẻ Cốc, Bắc Ninh (1684), Lục Thủy, Bùi Chu (1686) và Kẻ Bù (1773).

Sau này, mỗi địa phận mới được thành lập, lại đi kèm với các chủng viện mới. Thống kê sau đây cho ta thấy mức phát triển của hàng giáo sĩ Việt Nam qua các giai đoạn: 43 linh mục năm 1700, 119 vị năm 1800, 385 vị năm 1900, 1158 vị năm 1933 và năm 1963 số linh mục Việt Nam đã lên đến 2018 (393 linh mục Dòng).

b. Các dòng tu Việt Nam (thế kỷ XVII - XIX).
“Hội Thánh Việt Nam từ thuở khai nguyên, đã được Thiên Chúa ban cho một quà tặng quý báu là Dòng Mến Thánh Giá, như một cánh tay hữu hình của Chúa Kitô, để cộng tác với Hội Thầy Giảng, hàng giáo sĩ bản quốc, và các quý chức xây dựng nhiệm thể Chúa Cứu Thế...”
Dòng Mến Thánh Giá là hội dòng nữ đầu tiên mang bản sắc Á Châu và hướng hẳn về việc truyền giáo cho lương dân. Quả thực, ngay từ đầu năm 1670 (thứ tư Lễ Tro), Đức Cha Lambert đã nhận lời khẩn của hai nữ tu tiên khởi Anê và Paula, tại Kiên Lao; đã soạn thảo và ban hành hiến pháp Dòng. Năm sau, ngài thiết lập thêm một

cộng đoàn tại Quảng Ngãi. Kể từ đó, dần dần nữ tu Mến Thánh Giá có mặt trên các miền đất nước, giữ ba lời khấn, sống cộng đoàn và liên kết với nhau: giáo dục giới trẻ về văn hóa và đức tin, phục vụ bệnh nhân, bảo vệ trẻ thơ và góp phần thăng tiến nữ giới bằng giáo dục và hướng nghiệp. Năm 1854, Đức Cha Retord Liêu đã gửi tin về Châu Âu: “Dòng Mến Thánh Giá có 72 nhà, 1600 chị em; và đã rửa tội hơn 51.000 trẻ em hấp hối”.

Tại miền Truyền giáo thuộc dòng Đaminh, ngoài các nữ tu Mến Thánh Giá, còn có đông đảo các chị em Đaminh Dòng Ba Sống Chung. Kể từ thời cha chính Bustamante Hy, nhà phước Đaminh đầu tiên được lập ở Trung Linh năm 1715. Về tinh thần, chị em học theo gương Thánh Phụ Đaminh vác các Thánh Dòng; về tổ chức, chị em như một tu hội có lời khấn tữ, còn về hoạt động thì tương tự các nữ tu Mến Thánh Giá. Thống kê của cha chính Alonso Phê năm 1780 cho biết trong khu vực Đaminh có 5 nhà Mến Thánh Giá (48 di) và 12 nhà nữ Đaminh (178 di). Đến năm 1933, số nữ tu Đaminh tại bốn địa phận Dòng là 780.

Cuối thế kỷ XIX nhiều Dòng tu mới đã được thành lập tại Việt Nam:

– Dòng Nam gồm có: Kitô Vua, Cái Nhum (1870), Sư huynh Thánh Tâm Huế (1925), Thánh Giuse Nha Trang (1926), Qui Nhơn (1928), Đức Mẹ Đồng Công (1953); các tu hội: Nhập Thể Tận Hiến (1969), Thánh Gia Long Xuyên (1970), Nhà Chúa (1971), Đắc Lộ (1957), Gioan Tiền Sứ (1974), Truyền Giáo Cần Thơ (1963), Gia đình Na-Gia (1964). Riêng Dòng Phước Sơn được lập năm 1920, đã gia nhập gia đình Xitô năm 1934,

được nâng lên thành chi dòng Thánh Gia năm 1964 (gồm các Đan viện Phước Sơn 1920, Châu Sơn 1936, Phước Lý 1952, Châu Sơn Đà Lạt 1957 và Châu Thủy Bình Tuy 1972).

– Dòng Nữ gồm có: Con Đức Mẹ Vô Nhiễm (1920), Con Đức Mẹ Thăm Viếng (1937), Con Đức Mẹ Mân Côi (1946), Nữ Tu Ảnh Phép lạ Kontum (1947), Trinh Vương (1953), Khiết Tâm Nha Trang (1961), Tu hội Nữ Tỳ Đức Giêsu Linh Mục (1966, thành hội dòng 1987), Con Đức Mẹ Bình Thủy Cần Thơ (1967), Nữ Vương Hòa Bình (1969, Ban Mê Thuộc), Tu hội Nhập Thể Tận Hiến (1969). Ngoài ra còn một số tu hội thử nghiệm như: Tôi Tá Thánh Linh, Nữ Thánh Tâm, Nữ Tá Truyền Giáo, Nữ Tu Lasan, Nữ Tỳ Thiên Chúa, Nữ tu Thánh Thể, Chúa Hải Đông, và một số các Gia Đình Bác Ái (Foyers de charité).

3. Dẫn thân phục vụ con người

Với tỷ lệ nhỏ nhoi trong cộng đồng dân tộc, Hội Thánh thực ra chỉ tham gia một phần nào với sự nghiệp chung của đồng bào. Thế nhưng, Hội Thánh vẫn canh cánh bên lòng mỗi bận tâm phục vụ cho công cuộc con người ngày càng tươi sáng, tiến bộ và bình an, đã để lại những chứng tá tập thể đặc biệt về mặt an sinh, giáo dục và bác ái từ thiện.

Góp phần vào sự sống còn của quê hương, đã có không ít tín hữu tham gia quân đội của Tây Sơn, nhiều người còn giữ những vị trí chỉ huy. Trong phong trào yêu nước thời cận đại, sử sách ghi lại danh tính nhiều nhân vật, như linh mục Đặng Đức Tuấn, như Nguyễn

Trường Tô, linh mục Nguyễn Điều, Đội Vũ, Lãnh Phiên, thầy già Mai, lão Bang, hoặc các linh mục Đầu Quang Lĩnh, Nguyễn Tường, Nguyễn Thần Đồng... Các vị đã đóng góp phần tim óc để “Hiển Bình Tây Sách” để “Tế cấp luận”, và đóng góp phần xương máu trên những chặng đường dài đầy chông gai, để dành độc lập cho dân tộc.

Trong hướng an sinh, các tín hữu cùng nhịp bước với mọi người trong bối cảnh kinh tế khó khăn: từ những đoàn người đông đảo theo chân cụ Nguyễn Công Trứ đến lập cư tại Tiên Hải, Kim Sơn, Thái Bình; cho tới những đoàn người theo kế hoạch của Chúa Nguyễn, đến an cư lập nghiệp ngay từ giai đoạn đầu Môi Xuy, Biên Hòa. Rồi qua những năm tháng lịch sử, tương tự những đơn viện thời Trung Cổ làm nên những làng mạc Âu Châu, các linh mục đã dẫn dân đi “lập trại” biến những khu vực hoang vu thành khu dân cư đông đảo, sinh hoạt sầm uất.

Trong lãnh vực giáo dục và xã hội, hầu như bất cứ nhà thờ hay tu viện nào cũng kèm theo trường học và tổ chức bác ái từ thiện, như những lớp miễn phí, những bệnh viện hoặc trạm xá, xin đan cử một thống kê của các địa phận miền Trung và miền Nam vào năm 1969 (20). Các nhà thờ và dòng tu đã đảm nhiệm tất cả:

– 1030 trường tiểu học, với 345.756 học sinh (25% không công giáo).

– 226 trường trung học, 152.928 học sinh (46% không công giáo).

– 41 bệnh viện, với 7.000 giường.

– 239 trạm phát thuốc, 36 nhà hộ sinh, 29 nhà dưỡng lão.

– 9 trại phong, với 2.500 bệnh nhân.

– 82 cô-nhi-viện chăm sóc 11.000 em.

Dĩ nhiên những con số ấy cũng chưa nhiều, nhưng cũng đủ nhắc nhở người tín hữu hôm nay, theo cách thể của mình, nối tiếp vào truyền thống mục vụ ấy.

4. Lớn lên trong thử thách

Trước hiểm họa thực dân Pháp, triều đình Nhà Nguyễn phải chọn một trong hai con đường: hoặc là tiến hành cải cách trong nước, mở rộng bang giao để bảo toàn chủ quyền; hoặc là chìm đắm trong chính sách thủ cựu, tự cô lập, cố gắng duy trì chế độ quân chủ chuyên chế lạc hậu. Và triều đình đã chọn con đường thứ hai: dùng những điều luật hà khắc để trừng trị mọi hành vi bị coi như là chống đối, và thi hành những chính sách cấm đạo Giatô ngặt nghèo (21). Phân tích lý do việc cấm đạo là trách nhiệm của khoa lịch sử, trong khi đó, 14 chỉ dụ cấm đạo từ 1833-1862 là một thực tế lịch sử (22).

Và, chính giữa bối cảnh khó khăn đó, niềm tin của người Kitô hữu được thanh luyện. Khi mà việc giữ đạo chẳng đem lại cho họ một lợi tức nào cụ thể, số Kitô hữu vẫn tiếp tục gia tăng, từ 320.000 năm 1800, lên 426.000 năm 1855. Số địa phận từ 3 nâng lên thành 8 địa phận năm 1850, và 13 địa phận năm 1933.

Trong số những người đổ máu đào mình chứng cho niềm tin: 117 vị đã được suy tôn chân phước trong 4 đợt:

Đức Lêô XIII suy tôn 64 vị năm 1900; Đức Piô X suy tôn 8 vị năm 1906, và 20 vị năm 1909; Đức Piô XII suy tôn 25 vị năm 1951. Thành Phần gồm 8 giám mục, 50 linh mục, 1 chủng sinh, 14 thầy giảng và 44 giáo dân. Tất cả đã được Đức Gioan Phaolô II suy tôn Hiền Thánh ngày 19-6-1988.

Các địa phận mới được thành lập trước 1933:

– Tại Đàng Ngoài: Vinh (1864), Bùi Chu (1848), Bắc Ninh (1833), Hưng Hóa (1895), Phát Diệm (1901), Lạng Sơn (1913), Thanh Hóa (1932).

– Địa phận Đàng Trong: năm 1844 được chia thành 2 địa phận Đông (Qui Nhơn) và Tây (Sài Gòn) tách ra thêm các địa phận Huế (1950), Nam Vang (1950) và Kontum (1932). Năm 1933, Hội Thánh Việt Nam có Giám Mục tiên khởi là Đức Cha J.B. Nguyễn Bá Tông, khởi sự cho giai đoạn mới, giai đoạn tiến triển đến trường thành.

(Trích “Lược Sử Hội Thánh Công Giáo Tại Việt Nam” trong *Giáo Lý Hội Thánh Công Giáo* của HĐGMVN, trang 107-114)

B. PHẦN HỎI-ĐÁP

1- H. Các giáo phận đầu tiên tại Việt Nam được thiết lập khi nào?

T. Ngày 9.9.1659, Toà Thánh đã thiết lập 2 giáo phận đầu tiên trên đất Việt Nam và đặt hai Giám quản tông toà: miền Nam (Đàng Trong) với Đức Giám

mục Lambert de la Motte và miền Bắc (Đàng Ngoài) với Đức Giám mục François Pallu.

2- H. Những linh mục đầu tiên người Việt Nam là ai?

T. Đàng Trong có các linh mục Giuse Trang và Luca BÈN, còn Đàng Ngoài có các linh mục Bê-nê-đi-cô Hiên và Gioan Huệ. Tất cả đều được Đức Giám mục Lambert de la Motte truyền chức tại Thái Lan.

3- H. Công đồng đầu tiên của Giáo Hội tại Việt Nam được tổ chức tại đâu?

T. Công đồng đầu tiên của Giáo Hội tại Việt Nam được tổ chức tại Phố Hiến (Hưng Yên) vào tháng 2 năm 1670 dưới quyền chủ tọa của Đức Giám mục Lambert de la Motte.

4- H. Nội dung của công đồng gồm những gì?

T. Công đồng đã đưa ra một chương trình hoạt động: chia giáo xứ, chọn thánh Giuse làm bổn mạng Giáo Hội tại Việt Nam và ấn định việc đào tạo chủng sinh qua tổ chức Nhà Đức Chúa Trời.

5- H. Các Kitô hữu Việt Nam đã sống đức tin thế nào?

T. Các Kitô hữu Việt Nam đã kiên cường giữ vững đức tin; hằng trăm ngàn đã phải đổ máu đào để minh chứng cho đức tin của mình. Trong số đó, có 117 vị tử đạo gồm 8 giám mục, 50 linh mục, 59 giáo dân đã được Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II tôn phong lên bậc hiển thánh ngày 19 tháng 6 năm 1988. Ngoài ra còn có thầy giảng Anrê Phú Yên

được Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II tôn phong
chân phước ngày 5 tháng 3 năm 2000.

C. PHÂN GỌI Ý TRAO ĐỔI

1. Ngay từ thuở đầu, Giáo Hội Việt Nam đã được biết bao trái tim và bàn tay các tín hữu khắp bốn phương săn sóc và dưỡng nuôi. Sự kiện này gợi lên cho bạn những cảm nghĩ và tâm tình nào?
2. Công đồng đầu tiên của Giáo Hội Việt Nam đã được tổ chức tại Phố Hiến (Hưng Yên) vào tháng 2 năm 1670 dưới quyền chủ tọa của Đức Giám mục Lambert de la Motte. Theo bạn, Công đồng là gì? Công đồng có ý nghĩa và vai trò nào trong đời sống của Giáo Hội?
3. Kể lại cuộc đời và chứng từ của một vị thánh tử đạo tại Việt Nam mà bạn tôn kính và mến yêu.

NHÌN LẠI CHẶNG ĐƯỜNG LỊCH SỬ GIÁO HỘI TRƯỞNG THÀNH TẠI VIỆT NAM

A. PHẦN TRÌNH BÀY

Việc thành lập hàng giáo phẩm địa phương, vốn là ước vọng của Thánh Bộ Truyền Giáo ngay từ bản huấn thị 1659, nhưng trong thực tế, phải đến thế kỷ XX mới thành sự thật. Năm 1846, Đức Piô IX đã đưa ra những chỉ thị rất cụ thể: “Phải hủy bỏ tập tục chỉ chấp nhận một hàng giáo sĩ bản xứ phụ thuộc. Những người làm việc Tin Mừng, dù thuộc xứ nào, đều bình đẳng”. Sau đó, Đức Lêô XIII đã đẩy công việc nhanh hơn bằng cách lập các Tòa Khâm Sứ, trước tiên là tại Ấn Độ (1884) rồi đến Hoa Kỳ và Canada (1898). Đến thời Đức Piô XI, Việt Nam có Tòa Khâm Sứ tại Huế năm 1925. Chính dưới thời Đức Piô XI, nhiều quốc gia thuộc miền truyền giáo có Giám mục: Ấn Độ (1923), Trung Hoa (1926), Nhật Bản (1927) và Việt Nam (1933). Đặc biệt kỳ đó, Tòa Thánh không chỉ hỏi ý kiến các thừa sai, mà cả ý kiến các linh mục Việt Nam tại Sài Gòn năm 1925, và tại Huế 1930. Kể từ đây sinh hoạt của Giáo Hội Việt Nam linh động hẳn lên: đón nhận nhiều Dòng Tu quốc tế, thành lập và cải tổ các Dòng Tu trong nước, số linh mục Việt ngày càng đông đảo, số địa phận ngày càng gia tăng. Các địa phận mới được thiết lập là: Thái Bình (1936), Vĩnh Long (1938), Cần Thơ (1955) và Nha Trang (1957).

1. Ngày lịch sử 24-11-1960

Qua Tông Hiến Venerabilium Nostrorum, ngày 24-11-1960, Đức Gioan XXIII đã thiết lập thêm ba địa phận mới là Đà Lạt, Mỹ Tho và Long Xuyên, tuyên bố thiết lập ba Giáo Tỉnh (Hà Nội, Huế, Sài Gòn) và bổ nhiệm các giám mục chính tòa. Số giáo phận tại Việt Nam lúc này là 20, được phân chia như sau: Hà Nội 10, Huế 4 và Sài Gòn 6. Đứng đầu ba Giáo Tỉnh là ba Tổng Giám Mục Giuse Trịnh Như Khuê, Phêrô Ngô Đình Thục và Phaolô Nguyễn văn Bình. Chỉ trừ hai giáo phận Nha Trang (Đức Cha Piquet Lợi), và Kontum (Đức Cha Seitz Kim), 18 Giáo phận còn lại đều do các giám mục Việt Nam phụ trách. Việc thiết lập hàng giáo phẩm Việt Nam năm 1960 quả là một bước ngoặt đáng ghi nhớ. Hạt giống Tin Mừng đã được gieo trồng suốt bốn thế kỷ, nay đơm bông kết trái trong bối cảnh Công Đồng Vatican II đã đưa người người tín hữu Việt Nam vào trào lưu chung của Hội Thánh toàn cầu: trở về nguồn Tin Mừng và canh tân thích nghi với thời đại; cởi mở và đối thoại với mọi nền văn hóa, cùng chung âu lo và hy vọng với mọi người, để dân thân phục vụ xã hội ngày càng đa dạng và phong phú hơn.

2. Nhìn lại một chặng đường ...

Sau 1960, năm địa phận khác được thành lập là Đà Nẵng (1963), Xuân Lộc (1966), Phú Cường (1966), Ban Mê Thuột (1967), Phan Thiết (1975), và Bà – Rịa (2005) nâng tổng số giáo phận Việt Nam hiện nay lên 26 địa phận (Hà Nội 10, Huế 6, Sài Gòn 10). Tính đến tháng 6-1992, Việt Nam đã có tất cả 67 giám mục (32 vị đã được Chúa gọi về). Từ năm 1975, trong bối cảnh đất nước thống nhất, Hội Thánh Việt Nam ở hai miền Nam Bắc được sum họp một nhà. Kể từ 1980, Đại hội các Giám

mục toàn quốc đã được tiến hành hàng năm, và Hội Thánh Việt Nam khẳng định ý muốn là “Hội Thánh Chúa Giêsu Kitô trong lòng dân tộc Việt Nam, để phục vụ hạnh phúc của đồng bào” (X. Thư chung 1980).

Nhìn lại lịch sử hơn 400 năm, như Mẹ MARIA, người tín hữu Việt Nam cất cao lời ngợi khen và cảm tạ Thiên Chúa, vì khi quay nhìn quá khứ với cặp mắt đức tin, ta nhận ra Chúa hằng hiện diện và đồng hành với Hội Thánh trong từng bước đi, dù khi thành công hay thất bại, dù lúc chan hòa ánh sáng hay bóng tối đong đầy. Nhìn lại lịch sử hơn 400 năm, người tín hữu Việt Nam cũng ý thức rằng đức tin mà mình lãnh nhận, đã được gieo trồng và vun xới bằng mồ hôi và nước mắt; hơn nữa bằng cả máu đào của tiền nhân. Vì thế, phải hết sức trân trọng, gìn giữ và phát huy đức tin ấy bằng cả cuộc đời. Hơn thế nữa, nếu đức tin là hồng ân đã lãnh nhận xuyên qua gian khổ của tiền nhân, người tín hữu Việt Nam hôm nay phải tiếp tục công trình của cha ông trong nỗ lực truyền giáo, để tinh thần Phúc Âm được thấm nhập vào mọi thực tại xã hội, và quê hương Việt Nam thân yêu được phát triển theo hướng đi của Nước Trời, Nước Công Chính, Yêu Thương và An Bình. MARANATHA, Lạy Chúa GIÊSU, Xin Ngài đến! (Kh 22,20).

(Trích “Lược Sử Hội Thánh Công Giáo Tại Việt Nam” trong *Giáo Lý Hội Thánh Công Giáo* của HĐGMVN, trang 114-116)

B. PHẦN HỎI-ĐÁP

1- H. Đức Giám mục tiên khởi người Việt Nam là ai?

- T. Đức Giám mục tiên khởi người Việt Nam là Đức cha Gioan Baotixita Nguyễn Bá Tông. Ngài được tấn phong Giám mục ngày 11.6.1933.
- 2- H. Hàng Giáo phẩm Việt Nam được thiết lập năm nào?
- T. Ngày 24.11.1960, Đức Giáo Hoàng Gioan 23 đã thiết lập hàng Giáo Phẩm Việt Nam, đánh dấu sự trưởng thành của Giáo Hội Việt Nam sau 4 thế kỷ đón nhận Tin Mừng.
- 3- H. Hiện nay Giáo Hội Việt Nam có bao nhiêu giáo phận?
- T. Hiện nay Giáo Hội Việt Nam có 26 giáo phận, họp thành 3 giáo tỉnh là Hà Nội, Huế và Sài Gòn.
- 4- H. Sau ngày thống nhất đất nước, đường hướng mục vụ của Giáo Hội Việt Nam là gì?
- T. Năm 1980, các giám mục trong cả nước đã nhóm họp và khẳng định ý muốn là “Hội Thánh Chúa Giêsu Kitô trong lòng dân tộc Việt Nam, để phục vụ hạnh phúc của đồng bào.”
- 5- H. Để là “Hội Thánh Chúa Giêsu Kitô trong lòng dân tộc Việt Nam,” Giáo Hội Việt Nam phải làm gì?
- T. Giáo Hội Việt Nam phải hội nhập vào trong nền văn hóa Việt Nam và trở thành một Giáo Hội địa phương để có thể hoàn thành sứ vụ yêu thương và phục vụ của mình.

C. PHẦN GỢI Ý TRAO ĐỔI

1. Cùng với Giáo Hội Việt Nam nhìn lại lịch sử hơn 400 năm, bạn cảm thấy thế nào? Vì sao?
2. Theo bạn, điều gì giúp Giáo Hội Việt Nam vượt qua những khó khăn và không ngừng phát triển?
3. Nhìn lại lịch sử, Giáo Hội Việt Nam học được những bài học gì cho đời sống cũng như sứ vụ của mình?

PHẦN MỘT

VỀ NGUỒN ĐỂ KHÁM PHÁ LẠI BẢN CHẤT VÀ SỨ MẠNG

Cùng với Giáo Hội, chúng ta tìm về cội nguồn và hướng về cùng đích để khám phá lại bản chất và sứ mạng của mình, để biết rõ mình là ai và hiện diện để làm gì; nhờ đó, ý thức được vai trò và nhiệm vụ của mình trong Giáo Hội – tránh những phê phán và đòi hỏi không đúng đắn đối với Giáo Hội.

ĐỀ TÀI 1: GIÁO HỘI Ý THỨC MÌNH LÀ MỘT THỰC TẠI THIÊN LIÊNG

A. PHÂN TRÌNH BÀY

Trong Năm Thánh 2010, Giáo Hội Việt Nam muốn thực hiện một cuộc canh tân toàn diện. Để canh tân cách toàn diện, Giáo Hội phải biết mình là ai và có mặt trên thế giới để làm gì. Muốn thế, Giáo Hội phải tìm về cội nguồn và cùng đích của mình là Thiên Chúa. Khi tìm về cội nguồn, Giáo Hội Việt Nam ý thức mình là một với Giáo Hội Phổ Quát và có mặt trên thế giới không do ý muốn của bất kỳ một cá nhân hay tập thể nào, nhưng do lòng nhân hậu của Chúa Cha muốn cho mọi người được

nhận biết và quy tụ trong Chân Lý Tình Yêu là chính Ngài.

Giáo Hội được hình thành từ ý định muôn đời của Chúa Cha hằng hữu, là công trình của Chúa Con và Chúa Thánh Thần (x. Ep 1,3-14). Giáo Hội là cộng đoàn được Thiên Chúa yêu thương cách đặc biệt, được Chúa Giêsu cứu chuộc và giao hòa với Thiên Chúa bằng giá máu của mình, được Thánh Thần làm cho sinh động và trang bị bằng muôn vàn ân sủng để kết hợp với Đức Kitô ngày một hơn (x. Rm 12,3-8 ; Ep 4,7-13 ; 1 Cr 12,4-11). Hiến chế “Ánh Sáng Muôn Dân” của Công đồng Vaticanô II xác định Giáo Hội phát sinh từ mầu nhiệm Ba Ngôi nghĩa là được quy tụ “do sự hiệp nhất giữa Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần” và được thiết lập như “dấu chỉ và khí cụ của sự kết hợp mật thiết với Thiên Chúa và của sự hiệp nhất toàn thể nhân loại.”

Vì vậy, sự quy tụ của Giáo Hội hoàn toàn khác hẳn với bất cứ cộng đồng chính trị hay kinh tế nào của nhân loại, và Giáo Hội cũng không đơn thuần là một tổ chức nhân đạo do con người chủ xướng. Giáo Hội là một thực tại xã hội nhưng trước hết và trên hết là một thực tại mầu nhiệm. Để diễn tả phần nào mầu nhiệm này, Giáo Hội tự giới thiệu như là Dân Thiên Chúa, Thân Mình Chúa Kitô và Đền Thờ Chúa Thánh Thần.

B. PHẦN HỎI-ĐÁP

1-H. Muốn dẫn thân vào một cuộc canh tân toàn vẹn, Giáo Hội Việt Nam phải bắt đầu từ đâu?

- T. Giáo Hội phải tìm về cội nguồn và cùng đích của mình là Thiên Chúa để biết mình là ai và có mặt tại Việt Nam để làm gì.
- 2-H. Quy chiếu vào Thiên Chúa, Giáo Hội Việt Nam nói mình là ai?
- T. Giáo Hội Việt Nam ý thức mình là một với Giáo Hội Phổ Quát và có mặt không do ý muốn của bất kỳ một cá nhân hay tập thể nào, nhưng do lòng nhân hậu của Chúa Cha muốn cho mọi người được nhận biết và quy tụ trong Chân Lý Tình Yêu là chính Ngài. Giáo Hội biết rằng mình được khai sinh từ mầu nhiệm Ba Ngôi và được thiết lập như “đầu chỉ và khí cụ của sự kết hợp mật thiết với Thiên Chúa và của sự hiệp nhất toàn thể nhân loại.”
- 3-H. Giáo Hội nói chung và Giáo Hội Việt Nam nói riêng khác với cộng đồng chính trị hay kinh tế ở những điểm nào?
- T. Giáo Hội khác hẳn với cộng đồng chính trị hay kinh tế vì được quy tụ do sáng kiến của Thiên Chúa và để phục vụ cho công trình cứu độ của Ngài.
- 4-H. Nhờ đâu mà Giáo Hội có mặt tại Việt Nam?
- T. Giáo Hội có mặt tại Việt Nam nhờ hoạt động của Chúa Thánh Thần xuyên qua lịch sử truyền giáo của toàn thể Giáo Hội, theo lệnh truyền của Chúa Giêsu: “Anh em hãy đi loan báo Tin Mừng cho

mọi thụ tạo và làm phép rửa cho họ nhân danh Cha, và Con, và Thánh Thần.”

5-H. Hiến chế “Ánh Sáng Muôn Dân” của Công đồng Vaticanô II xác định thế nào về nguồn gốc của Giáo Hội?

T. Hiến chế “Ánh Sáng Muôn Dân” của Công đồng Vaticanô II xác định Giáo Hội phát sinh từ mâu nhiệm Ba Ngôi, nghĩa là từ sáng kiến của Chúa Cha, khôn ngoan của Chúa Con và tình yêu của Chúa Thánh Thần.

C. PHẦN GỢI Ý TRAO ĐỔI

1. Tại sao muốn canh tân cách toàn vẹn, Giáo Hội Việt Nam lại phải tìm về cội nguồn và cùng đích của mình là Thiên Chúa?
2. Nhiều người mong muốn và đòi hỏi Giáo Hội dấn thân vào các hoạt động chính trị và xã hội như một tổ chức hay một thể lực. Đòi hỏi ấy, theo bạn, có đúng không? Tại sao?
3. Giáo Hội Công Giáo nói chung và Giáo Hội Việt Nam nói riêng quan niệm thế nào về trách nhiệm của Giáo Hội trước các vấn đề chính trị và xã hội ?

1.1 GIÁO HỘI Ý THỨC MÌNH LÀ DÂN THIÊN CHÚA

A. PHẦN TRÌNH BÀY

“Chắc chắn trong mọi thời đại và mọi dân tộc, bất cứ người nào kính sợ Thiên Chúa và thực hành đức công chính đều được Ngài đoái thương (x.Cv 10,35). Tuy nhiên Thiên Chúa không muốn thánh hóa và cứu rỗi loài người riêng rẽ, thiếu liên kết, nhưng Ngài muốn qui tụ họ thành một dân tộc để họ nhận biết Ngài trong chân lý và phụng sự Ngài trong thánh thiện. Vì thế Ngài đã chọn dân Ít-ra-en làm dân của Ngài, đã thiết lập với họ một giao ước, giáo huấn họ dần dần. Tuy nhiên những điều ấy chỉ là hình bóng của giao ước mới là hoàn hảo hơn sẽ được ký kết trong Chúa Kitô. Chính giao ước mới trong máu Ngài. Ngài kêu gọi một dân gồm những người Do Thái và lương dân (GH 9). Toàn thể dân Thiên Chúa tham dự vào ba chức năng: tư tế, ngôn sứ và vương đế của Chúa Kitô, mang trách nhiệm thừa sai và phục vụ, khơi nguồn từ ba chức năng đó.

– **Tư tế**: khi gia nhập dân Thiên Chúa nhờ đức tin và Bí tích Thánh Tẩy, chúng ta tham dự vào ơn gọi tư tế. Chúa Kitô đã tạo nên những tư tế cho Chúa Cha từ dân tộc mới... những người được thánh tẩy, được Thánh Thần xúc dầu, để trở thành tư tế thánh thiện (x. GH 10).

– **Ngôn sứ**: khi dân thánh vĩnh viễn gắn bó với đức tin đã được truyền lại cho các thánh và đào sâu hiểu biết về đức tin, họ trở thành chứng tá cho Chúa Kitô giữa thế giới này.

– **Vương đế**: Chúa Kitô thực hiện vương quyền của Ngài khi lôi kéo mọi người đến với Ngài nhờ cái chết và sự sống lại của Ngài. Chúa Kitô là vua và là Chúa của vũ

trụ, đã trở thành tội tớ của mọi người, Ngài “không đến để được phục vụ, nhưng để phục vụ” (Mt 20,28). Vì vậy với Kitô hữu “cai trị là phục vụ” (GH 36). Dân Thiên Chúa thể hiện phẩm tính vương đế khi sống ơn gọi phục vụ.

Hội Thánh là dân Thiên Chúa. Thiên Chúa đã không cứu độ con người cách riêng lẻ, nhưng đã qui tụ họ thành một Dân. Ý thức này, phải thúc đẩy chúng ta rũ bỏ chủ nghĩa cá nhân trong đời sống đức tin, và sống tinh thần cộng đoàn nhiều hơn. Mỗi người có một trách nhiệm nhưng tất cả đều nhằm phục vụ lợi ích chung.

(Trích “Hội Thánh trong chương trình cứu độ của Thiên Chúa” trong *Giáo Lý Hội Thánh Công Giáo* của HĐGMVN, trang 88-89)

B. PHÂN HỎI-ĐÁP

- 1-H. Khi tự giới thiệu mình như là Dân Thiên Chúa, Giáo Hội muốn nói lên điều gì?
- T. Khi tự giới thiệu mình như là Dân Thiên Chúa, Giáo Hội muốn khẳng định mình là dân tộc được Thiên Chúa tuyển chọn và thiết lập qua giao ước mới và vĩnh cửu trong máu Đức Kitô.
- 2-H. Là Dân của giao ước mới, Giáo Hội có những đặc điểm nào?
- T. Là Dân của giao ước mới, Giáo Hội có những đặc điểm này:
- Một là có thủ lãnh là Đức Kitô;

- Hai là có được phẩm giá và tự do của những người con Thiên Chúa;
- Ba là có điều răn mới là yêu thương như Đức Kitô;
- Bốn là có sứ mạng trở nên muối men và ánh sáng cho trần gian;
- Và năm là có định mệnh gắn liền với Nước Trời.

3-H. Chúng ta gia nhập Giáo Hội bằng cách nào?

T. Chúng ta gia nhập Giáo Hội nhờ lòng tin vào Đức Kitô và nhờ phép Rửa tội.

4-H. Khi gia nhập Giáo Hội, chúng ta được tham dự vào những chức vụ nào của Đức Kitô?

T. Chúng ta được tham dự vào những chức vụ tư tế, ngôn sứ và vương đế của Đức Kitô.

5-H. Đây là phẩm giá và quyền căn bản của người Kitô hữu?

T. Phẩm giá và quyền căn bản của người Kitô hữu là được làm con cái Thiên Chúa và được hưởng tự do của người con.

C. PHẦN GỢI Ý TRAO ĐỔI

1. Không có ơn gọi làm người Kitô hữu ngoài Giáo Hội: một Kitô hữu đơn độc, riêng lẻ là một điều mâu thuẫn. Khẳng định này, theo bạn, có chính xác không? Vì sao?

2. Thánh Lêô Cả đã thốt lên: “Hỡi Kitô hữu, hãy nhận biết phẩm giá của mình!” (PL 54,192) Là Kitô hữu, đối với bạn, có ý nghĩa gì ?
3. Có người cho rằng càng biết ít về lề luật và giáo lý càng được tự do sống theo sở thích. Theo bạn, đó có phải là tự do của người con cái Thiên Chúa, tự do mà Đức Kitô ban tặng không?

1.2 GIÁO HỘI Ý THỨC MÌNH LÀ THÂN MÌNH CHÚA KITÔ

A. PHÂN TRÌNH BÀY

Hội Thánh hiệp thông với Chúa Kitô: Từ ban đầu Đức Giêsu cho các môn đệ tham dự cuộc sống của Ngài: mặc khải cho họ mầu nhiệm Nước Trời: cho tham dự sứ vụ, niềm vui và những thống khổ của Ngài: Ngài còn mời gọi hiệp thông sâu xa hơn: “Hãy ở lại trong Thầy... Thầy là cây nho, các con là cành” (Ga 15,4-5). “Ai ăn thịt và uống máu Tôi thì ở lại trong Tôi, và Tôi ở lại trong người ấy” (Ga 6,56). Hội Thánh không chỉ qui tụ mà còn hiệp nhất trong một thân mình với Chúa Kitô.

Hiệp nhất giữa các phần thân thể nhờ hiệp nhất với Chúa Kitô. “Trong thân thể này sức sống của Chúa Kitô luôn tràn qua các tín hữu” (GH 7). - Chúa Kitô là Đầu thân thể: Chúa Kitô “là Đầu của thân thể, nghĩa là Đầu của Hội Thánh” (Cl 1,18) “Ngài đứng hàng đầu trong

mọi sự” (Cl 1,18) chủ yếu là trên Hội Thánh, qua đó Ngài mở rộng vương quốc Ngài.

Hội Thánh là hiện thể của Chúa Kitô: Tương quan giữa Chúa Kitô và Hội Thánh, tức đầu và các chi thể, luôn được diễn tả bằng hình ảnh bạn tình (phu quân và hiện thể) các ngôn sứ đã chuẩn bị và Gioan Tiê Hô đã loan báo chủ đề Chúa Kitô là phu quân (x. Mc 2,19). Thánh Phaolô giới thiệu Hội Thánh và mỗi tín hữu như “hiên thể” đã “đính hôn” với Chúa Kitô để nên một thần trí với Ngài (x. 1Cr 6,15-16).

Hội Thánh là dấu chỉ và khí cụ xây dựng sự hiệp nhất giữa con người với Thiên Chúa, cũng như giữa con người với nhau. Hơn ai hết, người Kitô hữu phải là người xây dựng sự hiệp nhất, yêu thương trong cuộc sống hằng ngày.

(Trích “Hội Thánh trong chương trình cứu độ của Thiên Chúa” trong *Giáo Lý Hội Thánh Công Giáo* của HĐGMVN, trang 89-90)

B. PHÂN HỎI-ĐÁP

1-H. Khi tự giới thiệu như là Thân Thể Chúa Kitô, Giáo Hội xác tín điều gì?

T. Khi tự giới thiệu như là Thân Thể Chúa Kitô, Giáo Hội xác tín rằng mình có nhiều chi thể mà vẫn là một thân thể duy nhất nhờ liên kết với Đầu là Chúa Kitô.

2-H. Với tư cách là Đầu, Chúa Kitô làm gì cho Giáo Hội?

T. Chúa Kitô làm cho Giáo Hội sống động và hài hòa; nghĩa là Ngài không chỉ ban cho Giáo Hội muôn vàn ân sủng mà còn phối hợp các chức năng cũng như tác vụ trong Giáo Hội với nhau để làm cho toàn thân được lớn lên và tăng trưởng.

3-H. Là Thân Mình Chúa Kitô, Giáo Hội phải làm gì?

T. Giáo Hội tùng phục Chúa Kitô theo nghĩa luôn để cho Ngài tác động và hướng dẫn.

4-H. Để trở nên phần tử sống động của Giáo Hội, trước tiên chúng ta phải làm gì?

T. Trước tiên, chúng ta phải liên kết với Chúa Kitô; nhờ đó, liên kết với nhau.

5-H. Chúa Kitô đã làm những gì để liên kết Giáo Hội vào sự sống của Ngài?

T. Chúa Kitô đã yêu thương và hiến mình cho Giáo Hội.

B. PHẦN GỢI Ý TRAO ĐỔI

1. Bạn có nghĩ rằng chính khi gắn bó và nên một với Chúa Kitô mà chúng ta làm cho Giáo Hội lớn lên và tăng trưởng không? Vì sao bạn nghĩ như vậy?
2. Khi nào thì chúng ta được kết hợp mật thiết với Chúa Kitô?
3. Nhờ đâu mà hai thánh tông đồ Phêrô và Phaolô, vốn có nhiều khác biệt, lại có thể hợp nhất với nhau trong sự đa dạng và phong phú?

1.3 GIÁO HỘI Ý THỨC MÌNH LÀ ĐÈN THỜ CHÚA THÁNH THẦN

A. PHẦN TRÌNH BÀY

Linh hồn có vai trò đối với thân xác con người thế nào, thì Thánh Thần cũng có vai trò như vậy đối với Hội Thánh, Thân Mình Chúa Kitô” (Thánh Âu tinh). Chính Thần Khí Chúa Kitô, như một nguyên lý ẩn giấu, đã nối kết mọi phần thân thể với nhau cũng như với đầu, vì Ngài hiện diện hoàn toàn nơi đầu, hoàn toàn nơi thân thể, cũng như hoàn toàn trong mọi chi thể. Chúa Thánh Thần làm cho Hội Thánh trở thành “đền thờ sống động của Thiên Chúa” (2Cr 6,16) bởi Ngài hiện diện trong mỗi phần tử và trong toàn thân¹.

Công đồng Vaticanô II dạy: “Qua mọi thời đại, Chúa Thánh Thần hợp nhất toàn thể Giáo Hội bằng niềm hiệp thông và thực thi tác vụ, ban phát cho các ơn phẩm trật và đoàn sủng khác nhau, để tựa như linh hồn, thông truyền sức năng động cho các định chế trong Giáo Hội” (SL về Truyền Giáo s.4). Chúa Thánh Thần xây dựng ngôi Đền thờ Giáo Hội bằng Lời Thiên Chúa và bằng đức Ái của Tin Mừng, canh tân và phát triển Giáo Hội bằng các Bí Tích, bằng muôn vàn ơn phúc và các nhân đức, cũng như các đặc sủng giúp các tín hữu “có đủ khả năng và sẵn lòng đảm nhận các công việc và nhiệm vụ

¹ (Trích “Hội Thánh trong chương trình cứu độ của Thiên Chúa” trong *Giáo Lý Hội Thánh Công Giáo* của HĐGMVN, trang 90)

khác nhau để mưu ích cho việc canh tân, xây dựng và phát triển Giáo Hội.” (SLTG số 4).

Chúa Thánh Thần không ngừng thúc đẩy Giáo Hội truyền giáo đến nỗi lòng nhiệt thành truyền giáo được xem là dấu chỉ của việc Chúa Thánh Thần thực sự hiện diện trong Giáo Hội.

Chúa Thánh Thần hiện diện và hoạt động nơi tâm hồn các tín hữu, làm cho họ trở nên giống Đức Kitô, nên “những viên đá sống động xây nên ngôi Đền Thờ” của Thiên Chúa (x. 1Pr 2,5) – nơi Thiên Chúa ngự trị và nơi con người có thể dâng lên Thiên Chúa hy lễ thiêng liêng trong Thần Khí và Sự Thật.

B. PHẦN HỎI-ĐÁP

1-H. Khi tự giới thiệu mình như là Đền Thờ Chúa Thánh Thần, Giáo Hội xác tín điều gì?

T. Khi tự giới thiệu mình như là Đền Thờ Chúa Thánh Thần, Giáo Hội xác tín Chúa Thánh Thần là linh hồn của Giáo Hội, là nguyên lý vô hình liên kết mọi chi thể với nhau và với Đầu.

2-H. Chúa Thánh Thần xây dựng Giáo Hội bằng cách nào?

T. Chúa Thánh Thần xây dựng Giáo Hội bằng Lời Thiên Chúa và đức Ái của Tin Mừng.

3-H. Chúa Thánh Thần canh tân và phát triển Giáo Hội bằng cách nào?

T. Chúa Thánh Thần canh tân và phát triển Giáo Hội bằng các ân sủng và bí tích, bằng các nhân đức và đặc sủng.

4-H. Chúa Thánh Thần thúc giục Giáo Hội làm gì?

T. Chúa Thánh Thần không ngừng thúc đẩy Giáo Hội truyền giáo đến nỗi lòng nhiệt thành truyền giáo được xem là dấu chỉ của việc Chúa Thánh Thần thực sự hiện diện trong Giáo Hội.

5-H. Chúng ta phải làm gì để xây dựng Giáo Hội như là Đền Thờ của Chúa Thánh Thần?

T. Chúng ta phải để cho Thiên Chúa dùng chúng ta như những viên đá sống động mà xây nên ngôi Đền Thờ thiêng liêng và để Người đặt chúng ta làm hàng tư tế thánh, dâng những lễ tế thiêng liêng đẹp lòng Người, nhờ Đức Giêsu Kitô (x. 1Pr 2,5).

C. PHÂN GỢI Ý TRAO ĐỔI

1. Chúa Thánh Thần hiện diện và hoạt động trong Giáo Hội như thế nào?
2. Đâu là những dấu chỉ cho thấy Giáo Hội là Đền Thờ của Chúa Thánh Thần?
3. Theo bạn, mỗi phần tử phải làm gì để Giáo Hội thực sự là Đền Thờ của Chúa Thánh Thần?

ĐỀ TÀI 2: GIÁO HỘI Ý THỨC MÌNH CÒN LÀ MỘT THỰC TẠI HỮU HÌNH

A. PHẦN TRÌNH BÀY

Giáo Hội ý thức mình là thực tại thiêng liêng (đề tài 1) đồng thời cũng là thực tại hữu hình (đề tài 2). Trong Hiến Chế về Giáo Hội, các nghị phụ xác tín rằng “Đấng trung gian duy nhất là Đức Kitô đã thiết lập và không ngừng bảo vệ Giáo Hội thánh thiện, cộng đoàn đức tin - cậy - mến, như một thực tại hữu hình trên trần gian, qua đó, Ngài thông truyền chân lý và ân sủng cho mọi người. Thế nhưng, không được quan niệm đoàn thể tổ chức theo phẩm trật và thân thể mẫu nhiệm của Đức Kitô, đoàn thể hữu hình và cộng đoàn thiêng liêng, Giáo Hội tại thế và Giáo Hội dư tràn của cải trên trời, như là hai thực tại khác nhau. Trái lại, chúng làm thành một thực thể phức tạp mang tính nhân loại và thần linh” (GS s.8).

B. PHẦN HỎI-ĐÁP

1-H. Giáo Hội do Chúa Kitô thiết lập có những chiều kích nào?

T. Có hai chiều kích này:

- Một là chiều kích nhân loại; theo đó, Giáo Hội là một đoàn thể hữu hình và là một tổ chức theo phẩm trật.
- Hai là chiều kích thần linh; theo đó, Giáo Hội là một cộng đoàn thiêng liêng và là Nhiệm Thể Chúa Kitô.

2-H. Hai chiều kích thần linh và nhân loại của Giáo Hội kết hợp với nhau như thế nào?

- T. Hai chiều kích nêu trên không giản lược vào nhau nhưng kết hợp chặt chẽ với nhau, làm thành một thực thể phức tạp mang tính nhân loại và thần linh.
- 3-H. Giáo Hội sẽ ra sao, nếu chiều kích thiêng liêng bị loại bỏ?
- T. Nếu chiều kích thiêng liêng bị loại bỏ, thì Giáo Hội chỉ còn là một thể chế nhân loại như bao tổ chức chính trị, kinh tế hay xã hội khác.
- 4-H. Giáo Hội sẽ ra sao, nếu chiều kích trần thế bị loại bỏ?
- T. Nếu chiều kích trần thế bị loại bỏ, thì Giáo Hội không còn là cộng đoàn được thiết lập để loan báo Tin mừng Cứu độ cho mọi người.
- 5-H. Vì sao Chúa Kitô không ngừng bảo vệ Giáo Hội như một thực tại hữu hình trên trần gian?
- T. Vì Chúa muốn thông truyền chân lý và ân sủng của Ngài cho mọi người qua thực tại hữu hình ấy.

C. PHẦN GỢI Ý TRAO ĐỔI

1. Giáo Hội giống và khác các tổ chức xã hội ở những điểm nào?
2. Bạn nghĩ thế nào về chủ trương Giáo Hội chỉ nên hoạt động trong lãnh vực thiêng liêng hoặc ngược lại, đấu tranh như một lực lượng chính trị hay xã hội?
3. Qua các nhóm sinh hoạt trong giáo xứ cũng như giáo phận, bạn nhận ra đâu là yếu tố nhân loại và thiêng liêng của Giáo Hội? Hai yếu tố ấy có hòa hợp với nhau

không? Nếu không thì làm thế nào để kết hợp chúng lại với nhau?

2.1 GIÁO HỘI VIỆT NAM Ý THỨC MÌNH LÀ MỘT VỚI GIÁO HỘI PHỔ QUÁT VÀ VỚI CÁC GIÁO HỘI ĐỊA PHƯƠNG KHÁC

A. PHÂN TRÌNH BÀY

Mỗi cộng đoàn Giáo Hội địa phương không được phép khép lại với chính mình nhưng cần liên kết với các cộng đoàn khác, cụ thể là với những giáo xứ và giáo phận khác. Mỗi hiệp thông này được diễn tả cách tuyệt vời qua từ ngữ “các Giáo Hội chị em” được sử dụng lần đầu tiên trong Hội nghị khoáng đại lần thứ ba của FABC [Liên Hiệp các Hội Đồng Giám Mục Á Châu]. Sau khi nói đến mối hiệp thông giữa các Giáo Hội địa phương tại châu Á trong việc cầu nguyện với nhau và cho nhau, học hỏi những thành công cũng như thất bại của nhau, chia sẻ với nhau những mối quan tâm chung về thần học cũng như mục vụ, hỗ trợ nhau về nhân sự cũng như vật chất, các giám mục Á châu đã tóm tắt những hoạt động đó trong một câu: “càng ngày chúng ta càng trở nên những Giáo-Hội-Chị-Em đích thực trong một gia đình duy nhất là Giáo Hội Chúa Giêsu Kitô.”²

² “Statement of the Third Plenary Assembly of the FABC,” *For All the Peoples of Asia*, Vol. I, 54.

Đồng thời mỗi Giáo Hội địa phương phải liên kết với Giáo Hội duy nhất và phổ quát; có thể mới thực sự sống tính duy nhất Công giáo (catholica unitas) của Giáo Hội Chúa Kitô ... Theo giáo huấn của Công đồng Vatican II, Giáo Hội duy nhất và phổ quát hiện diện **trong** và **ngoài** các Giáo Hội địa phương. Điều này có nghĩa là Giáo Hội phổ quát không chỉ đơn thuần là tổng số các Giáo Hội địa phương gộp lại. Nhưng mỗi Giáo Hội địa phương đã là “một thực tại đầy đủ và toàn diện của mầu nhiệm hiệp thông trong Chúa Kitô, và Giáo Hội phổ quát là sự hiệp thông của tất cả những mối hiệp thông đó, là Giáo Hội của các Giáo Hội.”³ Nói theo cách diễn tả quen thuộc và nổi tiếng của Henri de Lubac thì “Giáo Hội là toàn thể trong từng phần: duy nhất trong số nhiều, và tất cả trong mỗi phần.”⁴ Sự hiệp thông đó được diễn tả cách hữu hình qua tập đoàn tính của các giám mục mà đứng đầu là giám mục của Rôma. Quyền bính của giám mục Rôma không thể chỉ được nhìn như quyền bính về mặt luật pháp đối với các Giáo Hội địa phương, nhưng trước hết và trên hết phải được nhìn như “ưu quyền về mục vụ nhằm phục vụ tính duy nhất đức tin và sự sống của toàn thể Dân Thiên Chúa.”⁵ Giây liên kết này bảo đảm cho tính Tông đồ và Công giáo đích thực của mỗi Giáo Hội địa phương, đồng thời bảo đảm rằng

³ *FABC's Theological Advisory Commission, "Theses on the Local Church," Being Church in Asia, 11.*

⁴ *Henri de Lubac, The Splendor of the Church, (New York: Sheed & Ward, 1956), 105.*

⁵ *Ecclesia in Asia, số 24.*

một Giáo Hội địa phương sẽ không bao giờ rời xa cấu trúc căn bản mà Đấng Sáng lập đã ban cho Giáo Hội.⁶

(Nguyễn Khảm, “Đi Tìm Một Cách Thể Hiện Diện Múi của Giáo Hội tại Châu Á,” trang 13-15)

B. PHẦN HỎI-ĐÁP

1-H. Giáo Hội Phổ Quát có phải là tổng số các Giáo Hội địa phương gộp lại không?

T. Không, chỉ có một Giáo Hội duy nhất và phổ quát hiện diện trong từng Giáo Hội địa phương và trong toàn thể các Giáo Hội địa phương. Mỗi Giáo Hội địa phương đều có đủ tính chất của một Giáo Hội và toàn thể các Giáo Hội địa phương là một với Giáo Hội phổ quát.

2-H. Sự hiệp thông giữa Giáo Hội địa phương với Giáo Hội phổ quát cũng như với nhau được thể hiện như thế nào?

T. Sự hiệp thông giữa Giáo Hội địa phương với Giáo Hội phổ quát được thể hiện qua sự hiệp thông giữa các giám mục với Đức Giáo Hoàng là thủ lãnh và nguyên lý hiệp nhất của Giáo Hội toàn cầu.

⁶ Xem “Asian Colloquium on Ministries in the Church”, *For All the Peoples of Asia, Vol. I*, 73. Để tìm hiểu về vị trí và quyền bính của Đức Giáo Hoàng trong viễn tượng Giáo Hội học về hiệp thông, có thể đọc Hermann Josef Pottmeyer, *Towards a Papacy in Communion: Perspectives from Vatican Council I and II*, (New York: Crossroad, 1998); Jean Marie Tillard, *The Bishop of Rome*, (Wilmington, Del: Micheal Glazier, 1983).

3-H. Giáo Hội Việt Nam hiệp thông với Đức Giáo Hoàng như thế nào?

T. Giáo Hội Việt Nam luôn hiệp thông bền chặt với Đức Giáo Hoàng, sẵn sàng tiếp nhận những hướng dẫn của ngài với tinh thần vâng phục, sốt sắng cầu nguyện cho ngài và cho sự hiệp nhất trong Giáo Hội.

4-H. Giáo Hội Việt Nam vâng phục quyền bính phổ quát của Đức Giáo Hoàng theo ý hướng nào?

T. Giáo Hội Việt Nam vâng phục quyền bính phổ quát của Đấng kế vị thánh Phêrô không như quyền bính về mặt luật pháp đối với các Giáo Hội địa phương, nhưng trước hết và trên hết như “ưu quyền về mục vụ nhằm phục vụ sự hiệp nhất của đức tin và đời sống của toàn thể Dân Thiên Chúa.”

5-H. Giáo Hội Việt Nam hiệp thông như thế nào với các Giáo Hội địa phương tại châu Á?

T. Giáo Hội Việt Nam liên kết với các Giáo Hội địa phương tại châu Á trong việc cầu nguyện với nhau và cho nhau, học hỏi và chia sẻ với nhau những mối quan tâm chung về thần học cũng như mục vụ, hỗ trợ nhau về nhân sự cũng như vật chất.

C. PHẦN GỢI Ý TRAO ĐỔI

1. Bạn biết gì về tổ chức và hoạt động chính của Toà Thánh?

2. Bạn biết gì về tổ chức và hoạt động chính của Liên Hội Đồng Giám Mục Á Châu (FABC)?

3. Quyền bính của Đức Giáo Hoàng phải được hiểu như thế nào?

2.2 GIÁO HỘI Ý THỨC MÌNH LÀ MỘT TỔ CHỨC THEO PHẨM TRẬT

A. PHẦN TRÌNH BÀY

Đức Giêsu đã thiết lập cộng đoàn Mười Hai Tông Đồ và đặt thánh Phêrô đứng đầu. Các giám mục kế vị các Tông đồ cùng họp thành giám mục đoàn, có Đức Giáo Hoàng kế vị thánh Phêrô làm đầu. Đức Giáo Hoàng là giám mục Rôma “Là nguyên lý và nền tảng hữu hình và vĩnh cửu của sự hiệp nhất giữa các giám mục cũng như giữa đông đảo các tín hữu” (GH 23). “Vì là đại diện Chúa Kitô và chủ chăn của toàn thể Hội Thánh nên ngài có quyền tròn đầy, tối cao, và phổ quát để có thể tùy ý hành xử” (GH 22).

Các giám mục theo phần mình cũng là nguyên lý và nền tảng hữu hình của sự hiệp nhất trong các Hội Thánh ở địa phương mình. Các ngài được các linh mục và phó tế trợ giúp, Giám mục là thành viên trong Giám mục đoàn, nên không những phải điều khiển tốt Hội Thánh ở địa phương mình, mà còn phải quan tâm đến tất cả các Hội Thánh địa phương khác nữa (x. GH 23). Giám mục đoàn “có quyền bính tối cao và tròn đầy trên toàn Hội Thánh, nhưng quyền ấy chỉ được thi hành khi có sự chấp thuận của Giám mục Rôma” (GH 22).

Các giáo sĩ gồm giám mục, linh mục và phó tế. Các ngài được chọn lựa và thiết lập để bảo đảm cho dân Thiên Chúa có các chủ chăn, và được tăng trưởng không ngừng. Các ngài nhận những tác vụ khác nhau trong Hội

Thánh và trở thành thừa tác viên có chức thánh, hầu mưu ích cho toàn thân thể (x. GH 18). Vì thế, các ngài hành động nhân danh Chúa Kitô là Đầu, nhận lãnh tác vụ và quyền bính để phục vụ như “tôi tớ của Chúa Kitô” (Rm 1,1), và thi hành tác vụ của mình trong một cộng đoàn, giám mục trong giám mục đoàn, linh mục trong linh mục đoàn. Sau hết mỗi vị cũng hành động với tư cách cá nhân, chịu trách nhiệm cá nhân trước Đấng đã kêu gọi và trao quyền cho từng vị. (GLHTCG, trang 99)

B. PHẦN HỎI-ĐÁP

1-H. Chúa Kitô đã thiết lập các chức vụ khác nhau trong Giáo Hội để làm gì?

T. Chúa Kitô đã thiết lập các chức vụ khác nhau trong Giáo Hội để hướng dẫn và phát triển Dân Thiên Chúa.

2-H. Đức Giáo Hoàng là ai?

T. Đức Giáo Hoàng là giám mục giáo phận Rôma và là Đấng kế vị thánh Phêrô, là đại diện Chúa Kitô và là chủ chăn của toàn thể Giáo Hội, là nguyên lý và nền tảng hữu hình của sự hiệp thông đức tin trong Giáo Hội.

3-H. Các giám mục là những ai?

T. Giám mục là các vị đại diện Chúa Kitô và là chủ chăn của các Giáo Hội địa phương, là nguyên lý và nền tảng của sự hiệp thông đức tin trong Giáo Hội địa phương.

4-H. Các linh mục và phó tế là những ai?

T. Các linh mục và phó tế là những thừa tác viên có chức thánh và là những cộng sự viên của các giám mục.

5-H. Các thừa tác viên có chức thánh trong Giáo Hội hành động với tư cách nào?

T. Các thừa tác viên trong Giáo Hội hành động nhân danh Chúa Kitô là Đầu và thi hành tác vụ của mình trong một cộng đoàn. Vì là thành viên của giám mục đoàn, nên giám mục chia sẻ trách nhiệm với Giáo Hội toàn cầu. Vì là thành viên của linh mục đoàn, nên linh mục chia sẻ trách nhiệm của giáo phận.

C. PHẦN GỢI Ý TRAO ĐỔI

1. Theo bạn, các chức vụ khác nhau trong Giáo Hội có cần thiết không? Điều này có phương hại đến sự bình đẳng giữa các tín hữu trong Giáo Hội không?
2. Vì sao các chức vụ khác nhau trong Giáo Hội chỉ được trao ban mà không do dân cử?
3. Vai trò của các giám mục trong Giáo Hội cần thiết và quan trọng như thế nào?

2.3 GIÁO HỘI Ý THỨC MÌNH LÀ THÁNH NHƯNG CÒN PHẢI NÊN THÁNH

A. PHẦN TRÌNH BÀY

Hội Thánh được tuyên xưng là thánh thiện vì “Chúa Kitô đã yêu thương Hội Thánh như hiền thê mình và đã hiến thân để thánh hóa Hội Thánh. Người kết hợp với Hội Thánh như thân thể Người và ban cho dư đầy ơn Thánh Thần” (GH 39).

Thứ đến, vì Thánh Thần ban cho Hội Thánh dồi dào phương tiện cứu rỗi và sự thánh thiện, đó là việc rao giảng Tin Mừng, các bí tích, các nhân đức luân lý, lòng hy sinh phục vụ tha nhân và các đặc sủng (x.GH 48).

Cụ thể hơn, sự thánh thiện của Hội Thánh đã chiếu tỏa ra nơi vô số các vị thánh đã được tuyên phong và trở thành những gương mẫu cho đời sống thánh thiện.

Sự thánh thiện của Hội Thánh là một hành trình tăng trưởng, một cuộc “lữ hành Vượt Qua”, chứ không phải là tình trạng tĩnh tọa an toàn. Vì thế, Hội Thánh vừa thánh thiện vừa phải luôn thanh tẩy mình, và không ngừng theo đuổi con đường sám hối, canh tân (x.GH 8). Các Kitô hữu luôn được khuyến nhủ “Anh em phải cởi bỏ con người cũ với nếp sống xưa, là con người phải hư nát vì bị những ham muốn lừa dối, anh em phải để Thần Khí đổi mới tâm trí anh em, và phải mặc lấy con người mới, là con người đã được sáng tạo theo hình ảnh Thiên Chúa, để thực sự sống công chính và thánh thiện” (Ep 4,22-24). Điều này chứng tỏ “tất cả chúng ta thường hay vấp ngã” (Gc 3,2) và cần đến ơn tha thứ của Thiên Chúa (x.GH 8). Đồng thời cũng có nghĩa là mọi người trong Hội Thánh đều được mời gọi nên Thánh, và Đức Ái là tâm điểm của đời sống thánh thiện “Tất cả các Kitô hữu,

bất cứ theo bậc sống hay địa vị nào, đều được kêu gọi tiến đến sự viên mãn của đời sống Kitô giáo và đến sự trọn lành của Đức Ái” (GH 40) vì “Đức Ái là mối dây liên kết của sự trọn lành, là sự viên mãn của lề luật, nên Đức Ái chi phối mọi phương thế nên thánh, làm cho chúng hình thành và đạt đến cùng đích. Vì thế, Đức Ái đối với Thiên Chúa và tha nhân là dấu chỉ người môn đệ chân chính của Chúa Kitô” (GH 42). (GLCGVN, trang 93)

B. PHẦN HỎI-ĐÁP

1-H. Giáo Hội thánh thiện có phải vì có các tín hữu thánh thiện không?

T. Giáo Hội thánh thiện vì hai lẽ:

- Một là vì được tham dự vào sự thánh thiện của Chúa Kitô là Đầu;
- Hai là vì Giáo Hội được Chúa Kitô dùng làm phương thế thánh hóa các tín hữu và có đủ phương thế để làm việc này.

2-H. Giáo Hội thánh thiện sao còn phải nên thánh?

T. Giáo Hội thánh thiện nhưng con cái của Giáo Hội thì yếu đuối và thường hay vấp ngã nên Giáo Hội không ngừng sám hối và canh tân.

3-H. Theo thánh Phaolô, người Kitô hữu phải làm những gì để nên thánh?

T. Theo thánh Phaolô, người Kitô hữu phải “cởi bỏ con người cũ” đầy tham lam dối trá, và “mặc lấy

con người mới” được sáng tạo theo hình ảnh Thiên Chúa, để thực sự sống “công chính và thánh thiện.”

4-H. Đây là tâm điểm của đời sống thánh thiện?

T. Tâm điểm của đời sống thánh thiện là Đức Ái.

5-H. Đây là đích điểm của đời sống thánh thiện?

T. Đích điểm của đời sống thánh thiện là Chúa Kitô. Nhờ sức mạnh của Chúa Thánh Thần, Giáo Hội không ngừng vươn lên đạt tới tâm vóc viên mãn của Chúa Kitô (x. Ep 4,13).

C. PHẦN GỢI Ý TRAO ĐỔI

1. Bạn có thái độ nào trước những lầm lỗi và thiếu sót của Giáo Hội?
2. Đối với bạn, thánh và nên thánh nghĩa là gì?
3. Theo bạn, sự thánh thiện của mỗi Kitô hữu có liên hệ đến Giáo Hội không? Liên hệ như thế nào?

ĐỀ TÀI 3: GIÁO HỘI VIỆT NAM SỐNG CHO ĐỨC KITÔ VÀ NƯỚC TRỜI

A. PHẦN TRÌNH BÀY

Theo Công Đồng Vaticanô II, Chúa Cha hằng hữu đã tạo dựng vũ trụ và quyết định nâng con người lên

tham dự đời sống thần linh. Khi con người sa ngã, Ngài đã không từ bỏ nhưng luôn trợ giúp để họ được cứu rỗi nhờ Chúa Kitô.

Chúa Cha cũng muốn qui tụ những ai tin kính Chúa Kitô vào trong Giáo Hội mà Ngài đã chuẩn bị từ thời Cựu ước, Chúa Kitô đã khai mở bằng việc rao giảng Tin Mừng Nước Thiên Chúa, và Thánh Thần đang làm tăng trưởng cho tới khi được hoàn tất trong vinh quang.

Vì thế, trong Chúa Kitô, Giáo Hội được xem là bí tích nghĩa là dấu chỉ và khí cụ của sự kết hợp mật thiết với Thiên Chúa và của sự hiệp nhất toàn thể nhân loại. Giáo Hội còn được xem là mầm mống và khởi đầu của Nước Thiên Chúa.

Là dấu chỉ và khí cụ của Nước Thiên Chúa, Giáo Hội không ngừng rao truyền và thiết lập Nước ấy giữa mọi dân tộc. Giáo Hội hằng mong cho Nước Thiên Chúa được hoàn tất và khao khát được kết hợp với Vua của mình trong vinh quang. Có thể nói, Giáo Hội không sống cho chính mình, nhưng sống cho Đức Kitô và Nước Trời (x. LG 1-5).

B. PHẢN HỒI-ĐÁP

1-H. Nước Thiên Chúa hay Nước Trời là gì?

T. Nước Thiên Chúa hay Nước Trời không phải là một nơi chốn nhưng là tương quan với Thiên Chúa. Được vào Nước Trời nghĩa là được hiệp thông sự sống và hạnh phúc vô tận của Thiên Chúa.

2-H. Vì ý gì Chúa Cha muốn qui tụ những người tin kính Chúa Kitô vào trong Giáo Hội?

T. Chúa Cha muốn qui tụ những người tin kính Chúa Kitô vào trong Giáo Hội vì muốn dùng Giáo Hội như là dấu chỉ và khí cụ của sự kết hợp mật thiết với Thiên Chúa và của sự hiệp nhất toàn thể nhân loại.

3-H. Giáo Hội này đã được hình thành và phát triển như thế nào?

T. Giáo Hội này đã được Chúa Cha chuẩn bị từ thời Cựu ước, được Chúa Con khai mở bằng việc rao giảng Tin Mừng Nước Thiên Chúa, và Thánh Thần đang làm tăng trưởng cho tới khi được hoàn tất trong vinh quang.

4-H. Với tư cách là dấu chỉ và khí cụ của Nước Thiên Chúa, Giáo Hội đã làm những gì?

T. Là dấu chỉ và khí cụ của Nước Thiên Chúa, Giáo Hội hằng mong cho Nước Thiên Chúa được hoàn tất và không ngừng rao truyền cũng như thiết lập Nước ấy giữa mọi dân tộc.

5-H. Nhìn về tương lai, Giáo Hội ý thức điều gì?

T. Nhìn về tương lai, Giáo Hội ý thức mình không sống cho chính mình, nhưng sống cho Đức Kitô và Nước Trời.

C. PHÂN GỢI Ý TRAO ĐỔI

1. Đối với bạn, vào Nước Thiên Chúa hay vào Nước Trời

- nghĩa là gì? Loạn báo hay xây dựng Nước Trời là loạn báo và xây dựng những gì?
2. Giáo Hội và Nước Trời có liên hệ với nhau như thế nào?
 3. Hoạt động của nhóm hay giáo xứ của bạn có gắn liền với việc loạn báo và xây dựng Nước Trời không? Nếu có thì ở những điểm nào? Nếu không, cần chỉnh lại những gì?

3.1 NƯỚC THIÊN CHÚA LÀ CHÍNH ĐỨC KITÔ

A. PHẦN TRÌNH BÀY

Hiến chế *Ánh Sáng Muôn Dân* khẳng định: “Chúa Giêsu đã khai sinh Giáo Hội bằng việc rao giảng Tin Mừng, loạn báo Nước Thiên Chúa đang đến như đã hứa trong Thánh Kinh từ ngàn xưa: “Thời gian đã trọn, Nước Thiên Chúa gần đến” (Mc 1, 15; x. Mt 4, 17).

Nước này chiếu sáng trước mặt mọi người qua lời nói, hành động và sự hiện diện của Chúa Kitô. Lời Chúa ví như hạt giống gieo xuống ruộng (x. Mc 4,14): ai tin nghe Lời Chúa và gia nhập đàn chiên nhỏ của Chúa Kitô (x. Lc 12,32), thì đã đón nhận chính Nước Ngài; rồi tự sức mình, hạt giống nảy mầm và lớn lên cho đến mùa gặt (x. Mc 4,26-29).

Các phép lạ của Chúa Giêsu cũng chứng minh rằng Nước Ngài đã đến trong trần gian: “Nếu ta dùng ngón tay Thiên Chúa để trừ ma quỷ, ắt Nước Thiên Chúa đã đến nơi các ngươi rồi” (Lc 11,20;x. Mt 12,28). Nhưng trước tiên, Nước ấy biểu lộ trong chính bản thân Chúa Kitô, Con Thiên Chúa và Con loài người, Đấng đã đến “để hầu hạ và hiến mạng sống làm giá chuộc muôn dân” (Mc 10,45).

Như vậy, Nước Thiên Chúa không là một khái niệm trừu tượng, một học thuyết hay một kế hoạch xa rời thực tế, nhưng trước hết và trên hết là một ngôi vị sống động với khuôn mặt và tên gọi Giêsu Nazareth, hình ảnh của Thiên Chúa vô hình.⁷

B. PHÂN HỎI-ĐÁP

1-H. Chúa Giêsu đã khai sinh Giáo Hội bằng cách nào?

T. Chúa Giêsu đã khai sinh Giáo Hội bằng việc rao giảng Tin Mừng Nước Trời đang đến như đã hứa trong Thánh Kinh từ ngàn xưa.

2-H. Nước Trời được tỏ hiện như thế nào?

T. Nước Trời được tỏ hiện trong chính bản thân Chúa Giêsu, qua sự hiện diện, lời nói và việc làm của Ngài.

3-H. Các phép lạ của Chúa Giêsu chứng tỏ điều gì?

⁷ Đức Gioan-Phaolô II, Thông điệp *Redemptoris missio*, 13-15; Đức Bênêđictô XVI, Thông điệp *Deus caritas est*, [25 -12 2005], 1.

T. Các phép lạ của Chúa Giêsu chứng tỏ Nước Trời đã đến trong thế gian.

4-H. Theo Đức Thánh Cha Bênêđictô XVI, Nước Trời là gì?

T. Nước Trời không là một khái niệm trừu tượng, một học thuyết hay một kế hoạch xa rời thực tế, nhưng trước hết và trên hết là một ngôi vị sống động với khuôn mặt và tên gọi Giêsu Nazareth, hình ảnh của Thiên Chúa vô hình.

5-H. Theo Công Đồng, những ai được xem là người đón nhận Nước Trời?

T. Những ai nghe Lời Chúa với lòng tin và gia nhập đàn chiên nhỏ bé của Ngài, được xem là người đón nhận Nước Thiên Chúa.

C. PHẦN GỢI Ý TRAO ĐỔI

1. Việc gia nhập Giáo Hội, đối với bạn, có ý nghĩa gì?
2. Nguyên việc gia nhập Giáo Hội có đủ để được xem là đón nhận Nước Trời không? Nếu không thì cần thêm điều gì?
3. Bạn có hiểu vì sao Đức Thánh Cha Bênêđictô XVI, khi nói về Nước Trời, lại nhấn mạnh đến ngôi vị sống động là Chúa Giêsu không?

3.2 NƯỚC THIÊN CHÚA LÀ THẾ GIỚI CỦA SỰ CÔNG CHÍNH, BÌNH AN VÀ HOAN

LẠC

A. PHẦN TRÌNH BÀY

Khi rao giảng Nước Trời đang đến, Chúa Giêsu kêu gọi con người hoán cải và tin vào Tin Mừng. Hoán cải để vượt thoát tội lỗi, căn nguyên của mọi thứ nô lệ, để đứng lên và quay về với Thiên Chúa trong niềm tin vào tình yêu Chúa Cha, được tỏ lộ và ban tặng cách nhưng không trong Chúa Con nhờ Chúa Thánh Thần. Trong tình yêu của Thiên Chúa, quan hệ giữa người với người sẽ được thăng hoa nhờ yêu thương, tha thứ và phục vụ.

Trong Nước Thiên Chúa, con người được mời gọi nên hoàn thiện như Cha trên trời (x. Mt 5,48), yêu thương như Đức Kitô (x. Ga 15,3), trao cho nhau công chính, bình an và hoan lạc trong Thánh Thần (x. Rm 14,17).

B. PHẦN HỎI-ĐÁP

1-H. Khi rao giảng Nước Trời đang đến, Chúa Giêsu mời gọi ta điều gì?

T. Khi rao giảng Nước Trời đang đến, Chúa Giêsu mời gọi ta hoán cải và tin vào Tin Mừng, để thoát ách tội lỗi và quay về với Thiên Chúa trong niềm tin vào tình yêu Chúa Cha, được tỏ lộ và ban tặng cách nhưng không trong Chúa Con nhờ Chúa Thánh Thần.

2-H. Niềm tin vào tình yêu của Thiên Chúa giúp người Kitô hữu sống với mọi người như thế nào?

T. Niềm tin vào tình yêu của Thiên Chúa giúp người Kitô hữu yêu thương, tha thứ và phục vụ mọi người.

3-H. Để có thể hiệp thông sự sống tràn đầy hạnh phúc của Thiên Chúa, người Kitô hữu phải làm gì?

T. Để có thể hiệp thông sự sống tràn đầy hạnh phúc của Thiên Chúa, người Kitô hữu được mời gọi nên hoàn thiện như Cha trên trời, yêu thương như Đức Kitô, trao cho nhau công chính, bình an và hoan lạc trong Thánh Thần.

4-H. Công chính nghĩa là gì?

T. Công chính là sự hòa hợp giữa con người với Thiên Chúa, nhờ đó hòa hợp với chính bản thân cũng như với người khác và thiên nhiên.

5-H. Thế nào là bình an và hoan lạc trong Thánh Thần?

T. Bình an là hoa trái của sự công chính trong khi hoan lạc là hoa trái của bình an. Do đó, con người chỉ có được sự bình an và hoan lạc trong Thánh Thần, khi sống hòa hợp với Thiên Chúa, với bản thân cũng như với người khác và thiên nhiên.

C. PHẦN GỢI Ý TRAO ĐỔI

1. Nước Trời là nước của sự công chính. Theo bạn, công chính là gì?

2. Nước Trời là nước của sự bình an. Theo bạn, thế nào là

bình an đích thực?

3. Nước Trời là vương quốc chan hoà niềm vui. Niềm vui nào?

3.3 NƯỚC THIÊN CHÚA ĐÃ HIỆN DIỆN VÀ CÒN ĐANG PHÁT TRIỂN

A. PHẦN TRÌNH BÀY

Qua lời rao giảng và những dấu lạ Chúa Giêsu làm, Nước Thiên Chúa đã bắt đầu trong xã hội loài người và âm thầm tăng trưởng cho tới khi hoàn tất trong ngày quang lâm. Vì mới khởi đầu và còn đang tăng trưởng, nên hiện nay, ở trần gian, Nước Thiên Chúa chưa hoàn toàn nghĩa là chưa đạt tới tình trạng hoàn hảo chung cuộc của nó.

Giáo Hội là hình thức phôi thai của Nước Thiên Chúa ở trần gian, chưa phải là chính Nước Thiên Chúa trong hình thái hoàn hảo chung cuộc của nó. Thánh Thần, Đấng đã được ban cho Giáo Hội và các tín hữu như hoa quả đầu mùa, như lời hứa và bảo chứng của Nước Thiên Chúa mai sau, không ngừng làm cho Giáo Hội và các tín hữu vươn lên đạt đến tầm vóc viên mãn của Đức Kitô (x. Eph 4,13).

Thánh Thể mà Giáo Hội cử hành và phân phát hằng ngày báo trước và là bảo chứng bữa tiệc thiên quốc được hứa ban cho các tín hữu. Chính nhờ Thánh Thể mà đời

sống Giáo Hội luôn được thanh luyện và đổi mới. Theo cách nói của Đức Thánh Cha Bênêđictô XVI, Thánh Thể phải tạo nên một sự “bùng nổ hạt nhân” kích hoạt sự biến đổi tận gốc toàn thể Giáo Hội, thế giới và vũ hoàn (Ratzinger, *Eucharist: Communion and Solidarity*, 2002).

Vì Nước Thiên Chúa còn ở trong tình trạng phôi thai nên Giáo Hội hằng tha thiết cầu xin cho Nước Chúa trị đến và góp phần kiến tạo Nước Thiên Chúa ở trần gian bằng cách: (1) loan báo Tin Mừng và kêu gọi hoán cải; (2) thiết lập những cộng đoàn mới trên đức tin và đức ái; (3) diễn đạt và quảng bá những giá trị Tin Mừng để giúp các dân tộc đón nhận kế hoạch cứu độ của Thiên Chúa ; và (4) cố xúy đối thoại, gặp gỡ và chăm sóc cho những người nghèo khổ, yếu đau.

B. PHẢN HỒI-ĐÁP

1-H. Nước Thiên Chúa hiện nay đang ở trong tình trạng nào?

T. Nước Thiên Chúa hiện nay chưa hoàn toàn nghĩa là chưa đạt tới tình trạng hoàn hảo chung cuộc của nó.

2-H. Giáo Hội có phải là Nước Thiên Chúa không?

T- Giáo Hội là hình thức phôi thai, là dấu chỉ và khí cụ của Nước Thiên Chúa ở trần gian. Giáo Hội chưa phải là chính Nước Thiên Chúa trong hình thái hoàn hảo chung cuộc của nó.

3-H. Chúa Thánh Thần làm gì cho Giáo Hội?

T. Chúa Thánh Thần luôn sống trong Giáo Hội và không ngừng làm cho Giáo Hội vươn lên, đạt đến tầm vóc viên mãn của Đức Kitô (x. Eph 4, 13).

4-H Mầu nhiệm Giáo Hội liên hệ thế nào với mầu nhiệm Thánh Thể?

T. Giáo Hội làm nên Thánh thể và Thánh Thể làm nên Giáo Hội, nghĩa là Giáo Hội cử hành Thánh Thể và nhờ Thánh Thể mà đời sống Giáo Hội luôn được thanh luyện và đổi mới.

5-H. Giáo Hội làm gì để kiến tạo Nước Thiên Chúa ở trần gian?

T. Giáo Hội kiến tạo Nước Thiên Chúa bằng những cách sau đây:

- Một là loan báo Tin Mừng và kêu gọi hoán cải;
- Hai là thiết lập những cộng đoàn mới trên đức tin và đức ái;
- Ba là diễn đạt và quảng bá những giá trị Tin Mừng để giúp các dân tộc đón nhận kế hoạch cứu độ của Thiên Chúa;
- Bốn là cố võ đối thoại, gặp gỡ và chăm sóc cho những người nghèo khổ, yếu đau.

C. PHẦN GỢI Ý TRAO ĐỔI

1. Bạn có biết vì sao Giáo Hội hằng ngóng đợi và tha thiết cầu xin cho Nước Chúa trị đến không?
2. Điểm son của các cộng đoàn tín hữu Việt nam là luôn

gắn bó với Chúa Giêsu Thánh Thể, phần đông vẫn siêng năng tham dự thánh lễ hàng ngày với một đức tin sống động. Theo bạn, làm thế nào để thánh lễ thực sự trở nên sức mạnh sinh động hoá nếp sống Kitô hữu mọi ngày?

3. Trong những việc Giáo Hội cần phải làm để kiến tạo Nước Thiên Chúa ở trần gian, việc nào khởi sắc nhất trong hoạt động của nhóm hay giáo xứ của bạn?

ĐỀ TÀI 4: GIÁO HỘI VIỆT NAM ĐANG TIẾN BƯỚC TRONG LỊCH SỬ

A. PHẦN TRÌNH BÀY

Hiến chế *Ánh Sáng Muôn Dân* gọi Giáo Hội là “Dân Thiên Sai” (LG 9b) nghĩa là dân của Đấng Thiên Sai, của Đức Kitô. Dân này ở vào “thời cuối cùng,” đang tiến bước giữa lòng lịch sử loài người với sứ mạng của Đức Kitô cũng như đang sống thân phận lữ hành hướng tới thời hoàn tất cánh chung (Congar, *Le Peuple Messianique*, Paris 1975).

Là Dân Thiên Sai, Giáo Hội không những áp ủ trong lòng niềm hy vọng của Đức Kitô về một thế giới công bằng và hạnh phúc Thiên Chúa đã hứa ban cho toàn thể nhân loại, mà còn thực thi sứ mạng Đức Kitô đã giao phó là dẫn thân cho mọi người được sống như Thiên Chúa muốn; hoặc nói cách khác, cho Nước Thiên Chúa đến được với họ.

Cùng với Giáo Hội phổ quát còn đang bước đi trong đức tin, Giáo Hội Việt Nam cũng đang ở trong lịch sử và thời gian vốn biến động liên tục đang khi hướng tới ngày Thiên Chúa hoàn tất công cuộc đổi mới mọi sự đã được khởi sự nơi Giáo Hội. Trong một thế giới lộ rõ thất vọng vì lạc hướng, Giáo Hội phải là niềm hy vọng cho thế giới. Trong một thế giới đầy bất hoà và chia rẽ, Giáo Hội phải là “đầu chỉ và khí cụ” của sự hiệp nhất và hiệp thông toàn thể gia đình nhân loại.

Giáo Hội không “định cư” ở thế gian, nhưng luôn tiến bước. Giáo Hội không trói buộc mình vào bất cứ một ý thức hệ hoặc chủ nghĩa nào, một thời đại hoặc một nền văn hoá nào, một nền thần học hoặc triết học nào... nhưng ra sức giữ cho mình được hoàn toàn tự do đối với mọi thực tại của thế gian đang biến đổi này.

Dù còn phải đối diện với bao cám dỗ và bách hại từ phía các thế lực trần gian, Giáo Hội vẫn luôn tin tưởng và trung thành với Đức Kitô, bởi biết rằng ngay cửa địa ngục cũng không thể rung chuyển được nền Đá Phêrô. Hơn nữa, Giáo Hội còn lợi dụng cơ hội này để tăng trưởng đến mức trưởng thành.

B. PHẦN HỎI-ĐÁP

1-H. Khi gọi Giáo Hội là Dân Thiên Chúa đang trên đường lữ hành, Công Đồng muốn nói gì?

T. Khi gọi Giáo Hội là Dân Thiên Chúa đang trên đường lữ hành, Công Đồng muốn nói Giáo Hội đang tiến bước trong lịch sử loài người và đang

trên đường đạt tới vinh quang toàn vẹn của Nước Trời.

2-H. Ý thức mình còn đang ở trong tình trạng lữ hành, Giáo Hội sẽ làm gì?

T. Ý thức mình còn đang ở trong tình trạng lữ hành, Giáo Hội sẽ không ngừng canh tân khuôn mặt thần linh của mình và dẫn thân cho mọi người được vào Nước Trời nghĩa là được sống như Thiên Chúa muốn.

3-H. Phải chăng Giáo Hội chỉ hướng tới và chờ đợi ngày Thiên Chúa hoàn tất việc đổi mới mọi sự?

T. Giáo Hội không chỉ hướng tới và chờ đợi ngày Thiên Chúa hoàn tất việc đổi mới mọi sự, nhưng còn cộng tác với Thiên Chúa trong công cuộc canh tân này, bắt đầu từ chính Giáo Hội.

4-H. Làm thế nào Giáo Hội thoát được cơn cám dỗ “định cư” ở thế gian này, để luôn tiến bước về Nước Trời?

T. Giáo Hội không trói buộc mình vào bất cứ một ý thức hệ hoặc chủ nghĩa, một thời đại hoặc một nền văn hoá nào... nhưng giữ cho mình được hoàn toàn tự do đối với mọi thực tại của thế gian đang biến đổi này.

5-H. Khi phải đối diện với những thử thách và khó khăn từ phía các thế lực trần gian, Giáo Hội ứng phó thế nào?

T. Giáo Hội luôn tin tưởng và trung thành với Chúa Kitô nhờ xác tín rằng quyền lực tử thần cũng không rung chuyển được nền Đá Phêrô.

C. PHẦN GỢI Ý TRAO ĐỔI

1. Trong cuộc lễ hành, Giáo Hội luôn có trước mặt hình ảnh về một thế giới mới và nỗ lực làm cho thế giới ấy trở thành hiện thực. Theo bạn, đó là hình ảnh gì? Có khả thi không?
2. Bao lâu còn là lễ khách, bấy lâu Giáo Hội còn tiên bước giữa những cám dỗ và thử thách đau thương. Nhờ đâu mà Giáo Hội vẫn tin tưởng và trung thành với Chúa Kitô đồng thời đổi mới chính mình dưới tác động của Chúa Thánh thần?
3. Theo bạn, Giáo Hội Việt Nam hôm nay – cụ thể là bạn hoặc đoàn thể và giáo xứ của bạn – có giữ cho mình được hoàn toàn tự do đối với mọi thực tại trần thế hoặc mọi thế lực trần gian không?

4.1 GIÁO HỘI XÂY DỰNG THẾ GIỚI, NƠI CÔNG CHÍNH, BÌNH AN VÀ NIỀM VUI NGỰ TRỊ

A. PHẦN TRÌNH BÀY

Ý thức mình còn đang trên đường lễ hành không làm cho các tín hữu trốn chạy thế giới, nhưng trái lại,

thúc đẩy họ tham gia tích cực vào đời sống và sự tiến bộ của nhân loại. Thật vậy, Giáo Hội luôn sẵn sàng cộng tác với mọi người nhằm xây dựng một thế giới hoàn thiện và tươi đẹp hơn. Hiện diện giữa nhân loại và lịch sử thế giới, dù không chủ tâm xây dựng thành đô ở trần gian, nhưng Giáo Hội vẫn luôn tích cực xây dựng trần thế.

Đồng hành với toàn thể nhân loại, “chúng ta có một sứ mệnh phải hoàn thành trong thế giới; chúng ta có trách nhiệm đối với thế giới, và một công việc bác ái phải hoàn thành”.⁸

B. PHÂN HỎI-ĐÁP

1-H. Ý thức mình còn đang trên đường lữ hành có làm cho các tín hữu trốn chạy thế giới không?

T. Không, ý thức này chẳng những không làm cho các tín hữu trốn chạy thế giới, mà ngược lại còn thúc đẩy họ tham gia tích cực vào đời sống và sự tiến bộ của nhân loại, luôn sẵn sàng cộng tác với mọi người nhằm xây dựng một thế giới hoàn thiện và tươi đẹp hơn.

2-H. Thế giới ở đây được hiểu là gì?

T. Thế giới ở đây được hiểu là xã hội loài người với mọi sinh hoạt chính trị, văn hoá, kinh tế của nó.

3-H. Đâu là thái độ mà người Kitô hữu phải có đối với xã hội loài người?

⁸ Đức Phaolô VI, *The Teachings of Pope Paul VI*, 1970, 192.

- T. Người Kitô hữu hiểu rằng mình ở trong trần gian và có một trách nhiệm phải chu toàn đối với xã hội loài người, nhưng đồng thời phải có tinh thần siêu thoát trên đường thực hiện vận mệnh vĩnh cửu của mình.
- 4-H. Công đồng Vaticanô II kêu gọi các tín hữu có thái độ nào đối với thế giới?
- T. Công đồng Vaticanô II kêu gọi các tín hữu quan tâm đến vận mệnh của thế giới và liên đới với xã hội loài người trong hy vọng cũng như trong lo âu.
- 5-H. Giáo Hội có thể đóng góp gì cho thế giới?
- T. Ngoài việc đem ơn cứu chuộc đến cho thế giới là nhiệm vụ tôn giáo thiết yếu của mình, Giáo Hội còn phục vụ xã hội loài người bằng cách giúp mọi người suy nghĩ và hiểu được ý nghĩa của cuộc sống, tôn trọng và bảo vệ phẩm giá của mình, xây dựng tinh thần tương trợ và hiệp nhất trong cộng đồng nhân loại.

C. PHÂN GỌI Ý TRAO ĐỔI

1. Theo Công đồng Vaticanô II, tại sao Giáo Hội lại có trách nhiệm đối với thế giới?
2. Kể ra những thái độ lệch lạc đối với thế giới mà người Kitô hữu nên tránh.
3. Kể ra những điều Giáo Hội có thể nhận được từ thế giới cũng như có thể đóng góp cho thế giới.

4.2 GIÁO HỘI CHỐNG LẠI TRÀO LƯU TỤC HOÁ VÀ CHỦ NGHĨA VÔ TÍN

A. PHÂN TRÌNH BÀY

Hiến chế *Giáo Hội Trong Thế Giới Ngày Nay* khẳng định: “Không bị một tham vọng trần thế nào thúc đẩy, Giáo Hội chỉ nhắm một điều là dưới sự dẫn dắt của Chúa Thánh Thần, tiếp tục công cuộc của chính Đức Kitô, Đấng đã đến thế gian để làm chứng cho chân lý, để cứu rỗi chứ không luận phạt, để phục vụ chứ không để được hầu hạ”(LG 3). Sứ mệnh và trách nhiệm này thúc đẩy Giáo Hội cương quyết chống lại mọi trào lưu tục hoá cũng như chủ nghĩa vô tín.⁹

Trào lưu tục hoá chủ trương Giáo Hội chỉ có một mục đích là phụng sự thế giới, không phải để thế giới được cứu rỗi, nhưng để thế giới hoàn tất mỹ mãn những công trình chân thiện nằm trong tâm tay và sức mạnh của nó.

Chủ nghĩa vô tín thì có nhiều hình thức khác nhau. Theo Công Đồng, “có người phủ nhận Thiên Chúa cách tỏ tường, có người lại nghĩ rằng con người hoàn toàn không thể quả quyết gì về Thiên Chúa. Có người cứu xét vấn đề Thiên Chúa theo một phương pháp làm cho vấn đề đó xem ra thiếu hẳn ý nghĩa. Vượt quá phạm vi khoa học thực nghiệm một cách vô lý, nhiều người hoặc chủ

⁹ Đức Phaolô VI, *The Teachings of Pope Paul VI*, 1970, 5.

trưng giải thích mọi sự bằng khoa học này, hoặc trái lại, hoàn toàn không chấp nhận một chân lý nào là tuyệt đối. Có người lại quá đề cao con người đến nỗi sự tin tưởng vào Thiên Chúa trở nên như vô nghĩa; những người này xem ra muốn đề cao con người hơn là muốn chối bỏ Thiên Chúa. Có người hình dung một Thiên Chúa theo kiểu họ tưởng đến nỗi Thiên Chúa mà họ bài xích không phải là Thiên Chúa của Phúc âm. Cả vấn đề Thiên Chúa cũng không hề được đặt ra bởi vì xem ra họ không cảm thấy áy náy gì về tôn giáo cũng như không thấy tại sao lại phải bận tâm về vấn đề đó. Ngoài ra, chủ nghĩa vô thần nhiều lúc phát sinh hoặc do sự phản kháng mãnh liệt chống lại sự dữ trong thế gian hoặc do nhận định sai lầm cho một số giá trị của con người là tuyệt đối đến nỗi lấy chúng thay thế cho chính Thiên Chúa. Ngay cả nền văn minh hiện đại nhiều lúc có thể làm cho người ta khó đến với Thiên Chúa hơn, không phải tự nó, nhưng vì nó quá bám víu vào những thực tại trần gian ... Tín hữu có thể chịu phần trách nhiệm không nhỏ trong việc khai sinh vô thần, hoặc bởi xao lãng việc giáo dục đức tin, hoặc trình bày sai lạc về giáo lý, hoặc do những thiếu sót trong đời sống tôn giáo, luân lý và xã hội. Phải nói rằng họ che giấu hơn là bày tỏ khuôn mặt đích thực của Thiên Chúa và tôn giáo” (LG 19).

Vì vậy, Công Đồng kêu gọi các tín hữu tiến tới một đức tin sống động và trưởng thành, nghĩa là một đức tin được huấn luyện để có thể sáng suốt nhận định và vượt thắng những khó khăn, một đức tin thấm nhập vào toàn thể đời sống của các tín hữu, kể cả đời sống thể tục, và thúc đẩy họ sống công bằng, bác ái nhất là đối với người nghèo khổ (x. LG 21).

B. PHẦN HỎI-ĐÁP

1-H. Công Đồng khẳng định thế nào về sứ mạng của Giáo Hội đối với thế giới?

T. Công Đồng khẳng định: “Giáo Hội chỉ nhắm một điều là dưới sự dẫn dắt của Chúa Thánh Thần, tiếp tục công cuộc của chính Đức Kitô, Đấng đã đến thế gian để làm chứng cho chân lý, để cứu rỗi chứ không luận phạt, để phục vụ chứ không để được hầu hạ”(LG 3).

2-H. Động lực nào thúc đẩy Giáo Hội cương quyết chống lại mọi trào lưu tục hoá, chủ nghĩa chiều ngang, chủ nghĩa cục bộ và vô tín?

T. Chính sứ mệnh làm chứng cho chân lý thúc đẩy Giáo Hội cương quyết chống lại mọi trào lưu tục hoá cũng như chủ nghĩa cục bộ và vô tín.

3-H. Theo Công Đồng, người ta phủ nhận Thiên Chúa vì những lý do nào?

T. Người ta thường phủ nhận Thiên Chúa vì những lý do này:

- một là quan niệm con người không thể biết gì về Thiên Chúa;
- hai là quá đề cao khoa học;
- ba là quá đề cao con người;
- bốn là quan niệm sai lầm về Thiên Chúa;
- năm là vấp nạn về sự dữ,
- sáu là quá bám víu vào những thực tại trần gian.

4-H. Người tín hữu có trách nhiệm thế nào trong việc khai sinh vô thần?

T. Người tín hữu có trách nhiệm không nhỏ trong việc khai sinh vô thần, hoặc bởi xao lãng việc giáo dục đức tin, hoặc trình bày sai lạc về giáo lý, hoặc do những thiếu sót trong đời sống tôn giáo, luân lý và xã hội.

5-H Trong hoàn cảnh này, người tín hữu phải làm gì?

T. Người tín hữu phải có một đức tin sống động và trưởng thành, nghĩa là một đức tin được huấn luyện để có thể sáng suốt nhận định và vượt thắng những khó khăn, một đức tin thâm nhập vào toàn thể đời sống và thúc đẩy thực thi công bằng, bác ái nhất là đối với người nghèo khổ (x. LG 21).

C. PHẢN GỢI Ý TRAO ĐỔI

1. Một trong những nguyên nhân khiến nhiều tín hữu mất đức tin là kiến thức khoa học của họ rất cao trong khi kiến thức đức tin thì quá thấp. So với kiến thức khoa học, kiến thức đức tin của bạn thế nào?
2. Nhiều người không tin vào Thiên Chúa vì lối sống đạo của nhiều tín hữu: mê tín và dị đoan, bảo thủ và cố chấp, bất hoà và chia rẽ, thiếu quan tâm và dấn thân trong những vấn đề xã hội vv... Trong lối sống đạo của bạn hoặc nhóm của bạn, cần sửa lại những gì để bạn và nhóm của bạn có thể bày tỏ khuôn mặt đích thực của Thiên Chúa?
3. Quá bám vào của cải vật chất và tìm hưởng thụ tối đa cũng là nguyên nhân khiến nhiều người khó đến với

Thiên Chúa. Lối sống này tác động vào đời sống của người tín hữu, đặc biệt là những tín hữu trẻ, như thế nào?

4.3 GIÁO HỘI CHẤP NHẬN ĐAU KHỔ VÀ HỌC BIẾT THA THỨ

A. PHẦN TRÌNH BÀY

Để tiếp tục sứ mạng của Chúa Kitô, Giáo Hội sẽ phải sống và hoạt động trong những điều kiện khó khăn vì chính Chúa đã hoàn tất công trình cứu độ trong khó nghèo và bách hại. “Lữ hành giữa cơn bách hại của thế gian và trong niềm an ủi của Thiên Chúa, Giáo Hội rao truyền cái chết và thập giá Chúa cho đến khi Người lại đến (x.1Cr 11,26). Giáo Hội vững mạnh nhờ thần lực của Chúa phục sinh để toàn thắng những khó khăn và sâu muộn từ bên trong cũng như bên ngoài bằng yêu thương với kiên trì và trung thành mạc khải cho thế gian mầu nhiệm của Chúa còn giấu trong bóng tối, cho đến khi được phô bày dưới ánh sáng vẹn toàn trong ngày sau hết” (LG 8).

Chính niềm tin vào Đức Kitô Phục sinh đã khơi dậy niềm hy vọng sống động thúc đẩy Giáo Hội luôn khẩn thiết cầu nguyện “Lạy Chúa Giêsu, xin ngự đến!” (Kh 22,2), lời cầu được dâng lên trong thái độ khiêm tốn thú nhận mình hãy còn xa với điều Thiên Chúa mong đợi. Do đó, Giáo Hội luôn thực hiện việc sám hối, canh tân.

Dẫu tin chắc mình đã được thánh hoá, tẩy rửa và cứu chuộc, Giáo Hội vẫn còn “ôm ấp những kẻ có tội trong lòng” nên phải khiêm nhường xin ơn tha thứ, và học biết thứ tha như hằng khấn nguyện trong kinh Lạy Cha: “Xin tha nợ chúng con, như chúng con cũng tha kẻ có nợ chúng con” (Mt 6, 12). Chính trong sức mạnh tha thứ này mà lịch sử và vũ hoàn được biến đổi thành nơi công lý, bình an và ân sủng ngự trị.

B. PHẢN HỒI-ĐÁP

- 1-H. Động lực nào giúp Giáo Hội chấp nhận những điều kiện khó khăn để chu toàn sứ mệnh được giao phó?
 - T. Giáo Hội chấp nhận sống và hoạt động trong những điều kiện khó khăn vì chính Chúa đã hoàn tất công trình cứu độ trong khó nghèo và bách hại.
- 2-H. Động lực nào giúp Giáo Hội vượt thắng những khó khăn này?
 - T- Nhờ thần lực của Chúa Kitô phục sinh mà Giáo Hội được vững mạnh và thắng vượt những khó khăn để chu toàn sứ mệnh của mình.
- 3-H. Ý thức lữ hành giúp Giáo Hội điều gì?
 - T. Ý thức lữ hành giúp Giáo Hội dân thân xây dựng Nước Thiên Chúa vì Nước Thiên Chúa đã khởi sự mà chưa hoàn tất.

4-H Ý thức lữ hành còn giúp Giáo Hội điều gì?

T. Ý thức lữ hành giúp Giáo Hội biết mình còn hữu hạn và tội lỗi cần sám hối và canh tân để có thể bày tỏ khuôn mặt đích thực của Thiên Chúa cho mọi người.

5-H. Để có thể sám hối và canh tân, Giáo Hội phải làm gì?

T. Giáo Hội phải khiêm nhường xin ơn tha thứ và học biết thứ tha như hàng khăn nguyện trong kinh Lạy Cha: “Xin tha nợ chúng con, như chúng con cũng tha kẻ có nợ chúng con” (Mt 6, 12).

C. PHÂN GỢI Ý TRAO ĐỔI

1. Giáo Hội còn đang “trên đường lữ thứ trần gian,” chắc chắn còn nhiều khiếm khuyết trong cơ cấu, nhân sự và phương pháp làm việc. Sánh với những gì bạn nhận được qua và nhờ Giáo Hội thì những khiếm khuyết này có đáng kể không?
2. Khi đề cập đến những “khó khăn và sâu muộn từ bên trong” Giáo Hội, Công Đồng muốn nhắc nhở và nhấn nhủ các tín hữu điều gì?
3. Bạn yêu mến và nghe theo Giáo Hội vì lẽ gì: vì tài đức của những người trong Giáo Hội hay vì Chúa Giêsu và Thánh Thần của Ngài luôn hiện diện và hoạt động trong Giáo Hội?